



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011
ANNUAL REPORT

MỤC LỤC:

■ Tầm nhìn - Sứ mạng - Giá trị cốt lõi	03
■ Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	05
■ Các chặng đường phát triển PNJ từ 1988 – 2011	07
■ Báo cáo của ban điều hành năm 2011	08
■ Báo cáo hoạt động 5 năm của ban điều hành (2007 – 2011)	14
■ Kế hoạch hoạt động năm 2012	19
■ Cơ cấu tổ chức nhân sự và quản trị công ty	20
■ Cơ cấu cổ đông của PNJ	28
■ Báo cáo của hội đồng quản trị năm 2011	29
■ Báo cáo hoạt động 5 năm của HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012	30
■ Báo cáo của Ban Kiểm Soát	32
■ Chiến lược phát triển 5 năm của PNJ (2012 – 2017)	43
■ Báo cáo tài chính	45
■ Danh hiệu và giải thưởng	101
■ Văn hóa doanh nghiệp	103
■ Giới thiệu các nhãn hàng PNJ	106
■ Hệ thống bán lẻ PNJ	109



TÂM NHÌN

Là Công ty chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu tại Châu Á, giữ vị trí số một trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ nhắm tới tại Việt Nam

SỨ MỆNH

PNJ mang lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng các sản phẩm trang sức tinh tế, chất lượng vượt trội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. TRUNG THỰC.

Trung thực là chuẩn mực đạo đức hàng đầu trong công việc và trong cuộc sống mà mỗi cá nhân và tổ chức đều cam kết hướng đến.

- Lấy lợi nhuận hợp pháp và đạo đức kinh doanh làm nền tảng cho mọi hoạt động.
- Xây dựng chữ tín và minh bạch trong tổ chức để tạo dựng niềm tin.
- Kiên quyết đấu tranh loại bỏ mọi hành động không trung thực.

2. CHẤT LƯỢNG

Chất lượng là cơ sở vững chắc để đảm bảo sự sống còn và là thước đo giá trị của mỗi cá nhân và tổ chức.

- Luôn đảm bảo chất lượng của các nguồn lực để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao.
- Mỗi cá nhân cam kết thực hiện nhiệm vụ với chất lượng tốt nhất, không tạo ra sản phẩm hỏng, không chuyển sản phẩm hỏng cho người khác.

3. TRÁCH NHIỆM

Lấy trách nhiệm làm động lực thúc đẩy mọi hoạt động. Đặt lợi ích của khách hàng, của xã hội vào lợi ích của doanh nghiệp.

- Mỗi cá nhân cam kết sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, tổ chức và xã hội
- Thực thi xuất sắc mọi công việc với tinh thần tự nguyện, chủ động, sáng tạo và tận tâm.
- Luôn tiên phong theo đuổi và thực hiện những nhiệm vụ khó khăn nhất với tinh thần quyết thắng

4. ĐỔI MỚI

Đổi mới là nền tảng của sự phát triển trường tồn của tổ chức.

- Không tự mãn với các thành tích đã đạt được. Sẵn sàng đón nhận, học tập, ứng dụng các kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng mới.
- Liên tục cải tiến để tối ưu hóa lợi ích cho tổ chức.

5. SÁNG TẠO

Sáng tạo để làm nên sự khác biệt vượt trội và lợi thế cạnh tranh.

- Đáp ứng kỳ vọng của khách hàng là cơ sở để định hướng sáng tạo
- Bằng tinh thần trách nhiệm, lòng say mê nghề nghiệp, mỗi cá nhân và tổ chức cam kết không ngừng sáng tạo, đưa ra các giải pháp đột phá, tạo nên các sản phẩm và dịch vụ vượt trội.



Bà Cao Thị Ngọc Dung
Chủ Tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc PNJ

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Kính thưa Quý Cổ đông

Năm 2011 là năm rất khó khăn của nền kinh tế thế giới và VN. Đây cũng là năm đầy thách thức với ngành kim hoàn trong nước do sự biến động liên tiếp lập kỷ lục về giá vàng, hoạt , đặc biệt Dự thảo Nghị định quản lý kinh doanh vàng với chính sách thay đổi trong quản lý hoạt động SXKD thị trường vàng trong nước đã tác động mạnh mẽ đến kế hoạch hoạt động của từng doanh nghiệp trong đó có PNJ.

Trong bối cảnh khó khăn chung PNJ đã có nhiều nỗ lực, sáng tạo chọn lối đi riêng của mình. Năm 2011 đánh dấu năm hoàn thành kế hoạch Nghị quyết ĐHCĐ lần 2 (2007 - 2012), PNJ đạt sự tăng trưởng vượt bậc trên mọi phương diện với doanh thu đạt hơn 17.335 tỷ đồng, tăng 33%; tổng tài sản 2.684 tỷ đồng, tăng 22%; lợi nhuận sau thuế 257 tỷ đồng, tăng 22%; lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu đạt 4.029, tăng 21% so với năm 2010. Trong năm 2011, PNJ đưa vào hoạt động thêm 12 cửa hàng mới, nâng tổng số trên toàn hệ thống lên 151 cửa hàng cùng với gần 3.000 khách hàng sỉ trải rộng trên 56 tỉnh thành của cả nước.

Bên cạnh năng lực sản xuất dồi dào và mạng lưới phân phối rộng khắp, lợi thế riêng có và quan trọng bậc nhất giúp PNJ khẳng định được vị thế trong thị trường chính là nguồn nhân lực. PNJ tự hào có đội ngũ nhân sự đông về số lượng, mạnh về chất lượng trong tất cả các lĩnh vực hoạt động, từ thiết kế, tạo mẫu, chế tác trang sức cho đến marketing, bán hàng và quản lý, đáp ứng mọi yêu cầu về mẫu mã và chất lượng sản phẩm. Đội ngũ nhân lực của PNJ luôn yêu nghiệp, giỏi nghề, đoàn kết trong công tác chuyên môn cũng như cuộc sống đời thường, gắn bó dưới mái nhà chung trong dòng chảy văn hóa nhân bản.

Kính thưa quý vị,

Bước qua năm 2012, dự đoán tình hình kinh tế thế giới và trong nước sẽ còn nhiều bất ổn, nhất là trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ; nhưng bằng sự năng động, sáng tạo, tiềm lực mạnh và bản lĩnh vững vàng và nhạy bén trong kinh doanh; tại Đại hội cổ đông PNJ vừa qua, chúng tôi tiếp tục đề ra những kế hoạch mới nhiều thách thức nhưng cũng rất khả quan. Cụ thể: thông qua phương án tăng thêm hơn 33% vốn điều lệ (tương đương gần 200 tỷ đồng). Vốn điều lệ sau khi tăng của PNJ sẽ đạt xấp xỉ 800 tỷ đồng, việc tăng vốn này nhằm phục vụ mục tiêu tiếp tục đầu tư xây dựng và mua sắm máy móc, trang thiết bị cho việc sản xuất- kinh doanh trang sức, kế hoạch doanh thu từ trang sức tăng 14% so với năm 2011, lợi nhuận tăng 5% .

Đồng thời Đại hội cũng thông qua chương trình công tác trong 5 năm tới, PNJ phấn đấu tăng gấp 4 lần doanh thu xuất khẩu trang sức vào cuối nhiệm kỳ 2012 -2017. Đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành trang sức 20%/năm. Lợi nhuận kinh doanh chính tăng 15%/năm. Để làm được điều này đòi hỏi PNJ phải có sự thay đổi mạnh mẽ và nhiều mặt, từ việc xác định lại tầm nhìn, sứ mệnh đến chất lọc các giá trị cốt lõi làm nền tảng cho sự phát triển bền vững. Theo đó, tầm nhìn của PNJ trong giai đoạn mới sẽ là công ty chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu tại Châu Á, giữ vị trí số một trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ nhắm tới tại Việt Nam. Và PNJ cũng sẽ tiếp tục sứ mệnh của mình là mang lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng các sản phẩm trang sức tinh tế với chất lượng vượt trội.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Ngoài lực lượng nhân sự chuyên nghiệp và có trình độ cao như hiện nay. Để đạt được mục tiêu trên, PNJ tiếp tục đầu tư chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng các chương trình đào tạo cụ thể cũng như xây dựng các chính sách động viên để kích thích nguồn nhân lực, đầu tư nhân sự cho công tác sáng tạo và chiến lược sản phẩm, tìm kiếm bổ sung nguồn nhân lực cho đội ngũ thiết kế, có tính đến việc thuê nhân sự thiết kế nước ngoài. Bên cạnh đó, PNJ sẽ tiếp tục phát triển và mở rộng hệ thống bán lẻ trên cơ sở nghiên cứu nhu cầu ở từng thị trường khu vực, số lượng cửa hàng mở mới trong năm ít nhất là 30 cửa hàng; chuẩn hóa hệ thống quản trị theo chuẩn mực quốc tế bằng các hệ số đo lường cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động và quản lý. Triển khai mở rộng kinh doanh đồng hồ và dòng hàng phụ kiện, mở rộng thị trường xuất khẩu; tăng độ nhận biết của từng dòng sản phẩm trên thị trường thông qua công tác marketing chuyên nghiệp; tăng năng suất và tiết kiệm chi phí, hạ được giá thành sản phẩm, đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho cổ đông và tăng thu nhập cho CBCNV...

Thay mặt Hội đồng Quản trị, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn các cấp chính quyền, quý vị cổ đông, các đối tác, quý vị khách hàng và toàn thể CBCNV - những người đã tin nhiệm, ủng hộ, đồng hành, sát cánh và chung sức làm nên thành công cho Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận - PNJ ngày hôm nay và chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, hợp tác quý báu này.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

CAO THỊ NGỌC DUNG



1988 - 1992: GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH VÀ XÁC ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Ngày 28-04-1988, cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Phú Nhuận ra đời, trực thuộc UBND Quận Phú Nhuận với tài sản ban đầu là 7,4 lượng vàng và 20 nhân sự.
- Vàng miếng Phượng Hoàng chính thức ra đời, góp vào thị trường một phương tiện thanh toán và cất giữ.
- PNJ chính thức mang tên Công ty Vàng bạc đá quý Phú Nhuận, xác định chiến lược phát triển là nhà sản xuất kinh doanh trang sức chuyên nghiệp,
- Đồng thời sáng lập ra Ngân hàng Đông Á

1993 – 2000: TĂNG TỐC MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI VÀ NGÀNH NGHỀ

- Bắt đầu cho chiến lược mở rộng hệ thống chi nhánh tại các tỉnh, thành phố lớn trên toàn quốc Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ...
- Đánh dấu công tác xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp của PNJ, nữ trang PNJ bắt đầu xuất khẩu.
- PNJ đón nhận Huân chương lao động hạng 3.
- Thành lập trạm chiết gas VINAGAS
- PNJ được trao chứng nhận danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao”
- PNJ được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động Hạng 2.
- Được tổ chức DNV cấp chứng nhận Hệ thống Quản trị Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.

2001 – 2004: ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ CHUẨN BỊ CỔ PHẦN HOÁ

- Tổ chức cuộc thi “Thiết kế mẫu nữ trang toàn quốc”.
- Nhân hiệu PNJSilver chính thức ra đời đáp ứng nhu cầu trang sức cho các bạn trẻ yêu thích trang sức.
- PNJ đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhất, chú trọng xây dựng và phát triển văn hóa mái nhà chung PNJ thông qua các hoạt động như Ngày hội gia đình...
- PNJ cổ phần hóa, chuyển đổi từ doanh nghiệp kinh tế Đảng thành Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận.
- Đạt danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương

2005 – 2008: TÁI TUNG THƯƠNG HIỆU VÀ PHÁT TRIỂN NHẪN HANG CAO CẤP

- PNJSilver tái tung hình ảnh mới.
- Nhân hiệu trang sức CAO Fine Jewellery ra đời.
- PNJ cùng sáng lập Công ty cổ phần Địa ốc Đông Á, S.G Fisco
- PNJ trở thành một trong 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo công bố của UNDP
- Ngày 3/4/2008, PNJ công bố thay đổi logo mới. Tái tung vàng miếng Phượng Hoàng với tên gọi mới Phượng Hoàng PNJ – DongA Bank.
- Là nhà tài trợ trang sức và vương miện cho cuộc thi Hoa hậu Hoàn vũ 2008.
- Đón nhận Huân chương Độc lập Hạng ba.

2009 – 2011: NIÊM YẾT SÀN CHỨNG KHOÁN, NỖ LỰC VƯỢT KHÓ VÀ TĂNG TỐC NGOẠI MỤC

- Tháng 3/2009, cổ phiếu PNJ chính thức niêm yết tại HOSE, tăng vốn điều lệ lên 400 tỷ đồng và tăng lên xấp xỉ 600 triệu đồng vào năm 2010
- Tháng 8/2009 thành lập công ty TNHH MTV Thời trang CAO.
- Tháng 7/2010: bổ sung thêm ngành kinh doanh đồng hồ của các nhãn hiệu nổi tiếng thế giới.
- Là nhà tài trợ trang sức cho cuộc thi Hoa hậu trái đất năm 2010 tổ chức tại Việt Nam.
- Tháng 3/2011: Khởi công xây dựng xí nghiệp nữ trang PNJ hiện đại nhất Việt Nam với vốn đầu tư 100 tỷ đồng, công suất trên 4 triệu sản phẩm/năm.
- Đầu tư, nâng cấp quy mô hệ thống phân phối, khánh thành các trụ sở và khai trương các Trung tâm kim hoàn tại Kiên Giang, Bình Dương, Biên Hoà, Hà Nội...

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2011



Bức tranh chung của nền kinh tế thế giới năm 2011 được đánh dấu là nguy cơ lạm phát lan rộng, trở thành vấn đề mang tính toàn cầu, đặc biệt là ở một số nền kinh tế năng động như Trung Quốc, Brazil, Ấn Độ... Các nước công nghiệp phát triển đang phải đối đầu với suy thoái kéo dài, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, tái cơ cấu kinh tế và đôn bẩy kinh tế suy yếu. Mỹ và các nước EU vẫn duy trì lãi suất thấp với các gói kích cầu kinh tế, nguy cơ hoảng nợ công của các nước phát triển, nhất là các nước EU đã tăng thêm nguy cơ và rủi ro cho nền kinh tế thế giới.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu, năm 2011 nền kinh tế Việt nam vẫn phải đối đầu với tình hình khó khăn chung như sau: Lạm phát đang tăng quá cao đạt mức 18,6%, thị trường tài chính đầy bất ổn, lãi suất tăng cao khiến hoạt động sản xuất, kinh doanh nhiều doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn, có nguy cơ rơi vào cảnh phá sản. Sự sụt giảm trong phân khúc hàng tiêu dùng nhanh, chỉ tăng trưởng 14% so với 21% của năm 2010.

So với đầu năm, giá vàng trong nước tăng 26%, năm 2011 chứng kiến sự biến động mạnh về giá vàng thế giới đã kéo theo sự biến động tăng về giá vàng trong nước, đỉnh điểm trong tháng 8 /2011 giá vàng đã đạt mốc kỷ lục giá 49,5 triệu đồng/lượng.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và đặc biệt là sự tác động bất ổn của các yếu tố vĩ mô đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng bạc đá quý nói chung và của PNJ nói riêng, song với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên, kết quả hoạt động năm 2011 vẫn đạt được những thành tựu đáng kể.

I. THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2010		Kế hoạch	% hoàn thành	
		Cty PNJ	Hợp nhất	Cty PNJ	Hợp nhất			
1	Doanh thu	17.335.035	18.038.055	13.077.790	13.798.302	33,00%		
2	Lợi nhuận gộp	633.895	738.319	452.233	541.852	41,00%		
	Doanh thu tài chính	74.341	64.754	77.904	64.650	-4,57%		
	Chi phí tài chính	128.762	125.535	55.410	60.390	132,72%		
	Chi phí bán hàng	211.585	289.530	166.504	243.304	27,1%		
	Chi phí quản lý	76.906	98.126	60.118	79.166	27,61%		
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	290.983	289.882	248.105	223.640	19,00%		
	Thu nhập khác	11.089	17.617	9.813	18.808	-32,00%		
4	Lợi nhuận trước thuế	302.072	318.165	257.918	263.892	17,00%	295.000	102,35%
5	Lợi nhuận sau thuế	241.709	257.506	206.555	211.341	17,00%	237.000	101,95%

- Tổng tài sản 31/12/2011 là 2.684 tỷ đồng, tăng 22 % so đầu năm 2011.
- Tổng doanh thu đạt 17.335 tỷ đồng, tăng 33 % so năm 2010.
- LNTT (chưa hợp nhất) đạt 302,072 tỷ đồng tăng 17% so cùng kỳ.
- LNST (chưa hợp nhất) đạt 241,709 tỷ đồng 17%.
- LNTT hợp nhất là 318,16 tỷ tăng 21% so cùng kỳ.
- LNST hợp nhất là 257,506 tỷ tăng 22% so cùng kỳ.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu 4.029, tăng 17% so năm 2010



II. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC NHÃN HÀNG

1. Nhãn hàng trang sức vàng PNJ (PNJGold):

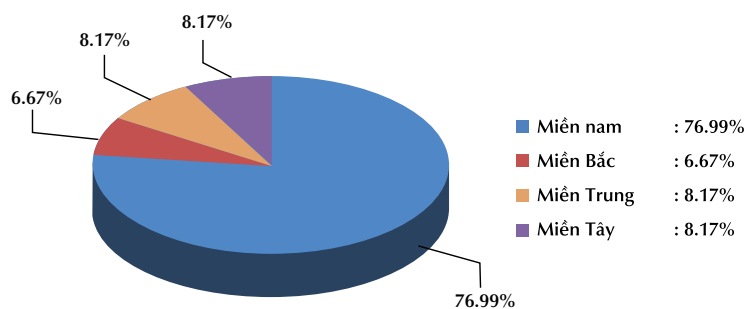
Tổng doanh thu thực hiện năm 2011 của nhãn hàng trang sức vàng PNJ đạt 3.541 tỷ đồng, tăng 20,67% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ 2010, doanh thu của hầu hết các nhóm hàng đều tăng, riêng doanh thu kim cương bằng 93% so năm 2010, trang sức kim cương, đá bán quý (tăng 29%). Tuy nhiên, nếu loại trừ yếu tố tăng giá vàng, thì doanh thu trang sức vàng PNJ tăng bình quân là 12%. Doanh thu trang sức bán lẻ chủ yếu ở khu vực TPHCM và miền đông nam bộ (chiếm 76,99% doanh thu trang sức vàng), doanh thu tăng trưởng bình quân của các cửa hàng vàng tại khu vực TPHCM tăng 19,36%.

Khu vực miền Bắc có mức tăng trưởng thấp nhất (14% so năm 2010) và chỉ chiếm 6,67%/doanh thu trang sức vàng, thị trường tại khu vực miền Bắc bị cạnh tranh khốc liệt, văn hóa vùng miền khác hẳn từ mẫu mã đến xu hướng tiêu dùng.

Khu vực miền Trung có doanh thu chiếm 8,17%/doanh thu, có mức doanh thu tăng trưởng là 18% so năm 2010, chi nhánh Đà Nẵng có mức tăng trưởng khá tốt.

Khu vực miền Tây có doanh thu chiếm 8,17%/doanh thu, có mức doanh thu tăng trưởng cao nhất trong toàn hệ thống với mức tăng trưởng chung là 19,98% so năm 2010.

Nhãn hàng trang sức vàng PNJ



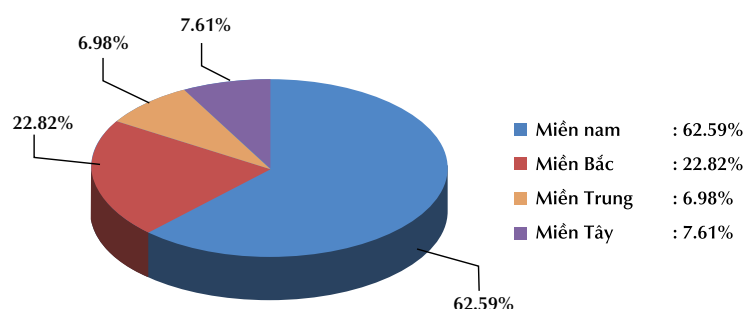
2. Nhãn hàng PNJSilver:

Tổng doanh thu nhãn hàng PNJSilver năm là 164,86 tỷ đồng, tăng 36,82% so cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng khá ấn tượng vượt kế hoạch đề ra. Trong đó, doanh thu do bán lẻ tại thị trường trong nước chiếm 90,82%, từ xuất khẩu chiếm 9,18%. Tổng lãi gộp năm của nhãn hàng PNJSilver là 129 tỷ đồng, tăng 49,58% so với cùng kỳ.

Khu vực TPHCM và miền Đông Nam bộ có doanh thu chiếm 62,59%/doanh thu nhãn silver toàn cty, tốc độ tăng trưởng 37% so năm 2010. Khu vực miền Bắc có doanh thu chiếm 22,82%/doanh thu nhãn PNJSilver, có tốc độ tăng trưởng rất tốt là 47% so năm 2010, ngược với doanh thu nữ trang vàng, điều này cho thấy nhãn hàng trang sức PNJSilver tại khu vực miền Bắc gần như là nhãn hàng độc quyền, ít bị cạnh tranh, còn trang sức vàng bị cạnh tranh mạnh và yếu tố thương hiệu địa phương vẫn là lực cản khi phát triển thương hiệu PNJGold tại thị trường miền Bắc.

Khu vực miền Trung có doanh thu chiếm 6,98%/doanh thu nhãn PNJSilver, tăng 67% so năm 2010. Khu vực miền Tây có doanh thu chiếm 7,61% /doanh thu, có tốc độ tăng trưởng là 54% so cùng kỳ.

Nhãn hàng trang sức PNJSilver





3. Vàng Miếng:

Tổng doanh thu kinh doanh vàng miếng năm 2011 đạt 8.639 tỷ đồng tăng 103% so với cùng kỳ, năm 2011 tình hình kinh doanh vàng miếng PNJ và SJC gặp nhiều thuận lợi, do giá vàng biến động mạnh, tạo sức hút cho hoạt động đầu tư, lướt sóng vàng, lợi nhuận của mảng hoạt động này là 85,347 tỷ đồng đóng góp 13,36% vào tổng lợi nhuận gộp toàn công ty.

4. Đồng Hồ:

Được đưa vào hệ thống từ những tháng cuối năm 2010, đến nay trên toàn hệ thống có 5 cửa hàng phân phối các loại đồng hồ, doanh thu năm 2011 đạt 5,502 tỷ đồng, chưa đạt mục tiêu kế hoạch đã đặt ra. Tuy nhiên, hiện nay việc kinh doanh cũng có nhiều khó khăn vì đây là lĩnh vực kinh doanh còn mới, công ty chưa đầu tư đúng nguồn lực, công tác quản bá cũng như mạng lưới bán hàng.

5. Xuất Khẩu:

Tổng doanh thu hoạt động xuất khẩu năm 2011 là 5.078 tỷ bằng 87% so năm 2010, tương đương 246,890 triệu USD, trong đó doanh thu xuất khẩu nữ trang có hàm lượng vàng 8K, 9K, 18K là 5,274 triệu USD tăng 13% so năm 2010, xuất chủ yếu là khách hàng Đức chiếm 59%, khách hàng Mỹ chiếm 22,29%, hoạt động xuất khẩu trang sức năm nay gặp nhiều khó khăn vì những tháng giá vàng trong nước cao hơn giá thế giới rất nhiều, đơn hàng không ổn định, số lượng đơn nhỏ lẻ, hoạt động xuất khẩu nữ trang bị cạnh tranh rất mạnh từ Trung Quốc, do đó Công ty cần cải tiến và nỗ lực hơn rất nhiều nhằm tạo lợi thế cạnh tranh để giữ khách hàng cũ, và khai thác thêm khách hàng mới.

Do có sự chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới, trong năm công ty có doanh thu từ hoạt động bất thường là xuất khẩu vàng nữ trang 20K. Tổng doanh thu đạt 241,616 triệu USD, tổng lãi gộp đóng góp vào hoạt động chung của công ty là 24,453 tỷ chiếm 3,82 %/tổng lãi gộp toàn công ty.

6. Hoạt Động Của Công Ty TNHH Thời Trang Cao:

Công ty TNHH Thời trang CAO hiện đang sở hữu 2 nhãn hàng là CAO Fine Jewellery và Jemma, cụ thể tình hình hoạt động kinh doanh năm 2011 của các nhãn hàng như sau:

• Nhãn hàng CAO Fine Jewellery:

Doanh thu năm 2011 của Công ty CAO là 83,489 tỷ đồng, tăng 19,41% so năm 2010, trong đó doanh thu nữ trang CAO Fine Jewellery là 75,550 tỷ chiếm 90,36%/doanh thu toàn Công ty. Doanh thu nữ trang Jemma là 8,036 tỷ chiếm 9,64% doanh thu.

Tình hình kinh doanh của nhãn hàng CAO Fine Jewellery vẫn còn nhiều khó khăn, Do phân khúc thị trường thời trang cao cấp bị sụt giảm nhiều trước những khó khăn của nền kinh tế. Bên cạnh mặt bằng kinh doanh không ổn định; công tác quảng cáo, tiếp thị chưa được đầu tư đúng mức; nhân sự quản lý chưa đáp ứng yêu cầu phát triển...

• Nhãn hàng Jemma:

Doanh thu năm 2011 đạt 8,036 tỷ đồng, và tăng 165% so với cùng kỳ. Tình hình kinh doanh nhãn hàng này hiện vẫn gặp một số khó khăn do lĩnh vực kinh doanh sản phẩm túi xách Cty chưa có nhiều kinh nghiệm, bị động chuyên gia về chiến lược sản phẩm cũng đơn vị sản xuất và nguồn cung ứng không ổn định vì thế mã hàng hóa không thay đổi thường xuyên, chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của khách hàng; mức độ nhận biết thương hiệu trên thị trường còn hạn chế; lượng khách hàng thăm quan và mua sắm tại một số trung tâm thương mại rất vắng, ảnh hưởng doanh thu tiêu thụ của cửa hàng...



III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN:

1. Hoạt động sản xuất:

Mục tiêu nâng cao tính chuyên nghiệp và tính sáng tạo trong mọi hoạt động, nâng cao hiệu quả của toàn xí nghiệp, tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí đã đạt được một số kết quả như:

- Thực hiện công nghiệp hóa triệt để ở một số khâu và công đoạn sản xuất, rút ngắn được qui trình sản xuất, tăng được năng suất lao động, đáp ứng nhanh đơn hàng, đối với sản phẩm Bạc đã công nghiệp hóa 95%, Nữ trang vàng bán sỉ công nghiệp hóa 90%. Hoàn chỉnh công nghệ và qui trình sản xuất dòng trang sức phụ kiện (Custom Jewellery) bằng hợp kim với qui trình công nghiệp 95% đáp ứng cho nhu cầu dòng trang sức giá rẻ cho chiến lược phát triển của Cty.
- Thực hiện nhiều công trình cải tiến kỹ thuật, giảm được khuyết tật về đúc rỗ dẫn đến giảm được chi phí hao hụt và tăng vòng quay vốn. Tăng độ bền và độ sáng của màu xi, nâng cao kỹ thuật làm vô nhân kim cương thay thế được hàng nhập khẩu và đáp ứng tốt hơn các đơn hàng xuất khẩu cao cấp.
- Quản lý năng suất và giờ công hiệu quả hơn bằng các hệ số qui đổi công sản phẩm, bấm giờ tính công ở một số công đoạn, áp dụng LEAN và 5S trong mọi qui trình sản xuất, kết quả là công trên sản phẩm tăng từ lên.
- Công tác quản lý chi phí được kiểm soát chặt chẽ hơn ở tất cả các khâu từ việc sử dụng công cụ vật liệu phụ, tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên liệu thạch cao thay thế rẻ hơn, đặc biệt là quản lý chi phí hao hụt thực hiện có hiệu quả hơn.

Tuy nhiên mặc dù trong năm Xí nghiệp đã tổ chức nhiều đợt đào tạo cũng như hội thảo về nâng cao ý thức chuyên nghiệp cũng như kiến thức chuyên môn cho toàn bộ cán bộ xí nghiệp cải tiến công tác quản lý và điều hành sản xuất nhưng kết quả đạt được vẫn chưa cao, công tác hoạch định và điều phối đơn hàng vẫn còn nhiều khiếm khuyết và nhiều bất cập, một phần cũng do điều kiện mặt bằng chật hẹp, các qui trình sản xuất còn bị chia cắt, đơn hàng còn nhỏ lẻ và hệ thống tin học chưa đáp ứng được yêu cầu, dẫn đến các số liệu không được cập nhật kịp thời. .

2. Hoạt động kinh doanh:

Mặt dù tình hình khó khăn doanh thu có dấu hiệu sụt giảm sau quý I, nhưng kết quả chung vẫn vượt kế hoạch đề ra nhờ vào:

- Công tác chuẩn bị về mẫu mã, sản xuất và điều phối hàng hóa được chuẩn bị chu đáo, có sự phối hợp tốt giữa các bộ phận phòng ban trong các chương trình trọng điểm, kết hợp công tác truyền thông, quảng cáo hiệu quả cho các dịp mua sắm lớn ... đặc biệt là mùa cao điểm trong quý 1/2011,
- Công tác quản lý, giám sát hệ thống; cung cấp, luân chuyển hàng hóa kịp thời, hiệu quả tạo doanh thu cho cửa hàng và cho toàn hệ thống. Công tác đào tạo kỹ năng quản lý và bán hàng, kỹ năng giao tiếp với khách hàng được chú trọng, góp phần thúc đẩy phát triển hệ thống.
- Hoạt động thương mại điện tử được đẩy mạnh, nhất là những mùa cao điểm 14/2 và 8/3, 28/4, chương trình mùa trung... Lượng đơn hàng ngày càng tăng cao trong năm phục vụ 7.085 đơn hàng (tăng 275% so với cùng kỳ năm 2010).
- Tập trung nâng cấp, mở rộng hệ thống phân phối, đặc biệt chú trọng mở rộng, khai thác các cửa hàng tại khu vực thị trường có tiềm năng. Trong năm đã mở mới thêm được 12 cửa hàng, nâng tổng số của hàng trên toàn hệ thống là 151 cửa hàng.
- Các cửa hàng đang được thay đổi nâng cấp hình ảnh, đổi mới quây tử... tạo nên một hình ảnh PNJ sang trọng, cao cấp và chuyên nghiệp. Các cửa hàng sau khi được sửa chữa nâng cấp đều có doanh thu tốt hơn trước đây.

Tuy nhiên hệ thống kinh doanh vẫn chưa xây dựng được các yêu cầu và các chỉ tiêu cụ thể để đo lường và đánh giá đúng hiệu quả của đội ngũ giám sát, mối quan hệ và trách nhiệm giữa giám sát và cửa hàng chưa

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2011



được xác định và qui định trách nhiệm rõ ràng. Còn dàn trải trong việc phân bổ hàng hóa, chưa thật sự phân bổ hàng hóa đúng thị trường mục tiêu dẫn đến hầu hết cửa hàng đều không đạt vòng quay vốn. Dự án ERP chậm được triển khai ở phân hệ bán hàng cũng là nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc kiểm soát và điều phối đơn hàng.

Hoạt động Marketing Quốc tế và nhân sự của phòng Xuất nhập khẩu chưa được đầu tư đúng mức cho nên hoạt động xuất khẩu còn mang tính thu động và không đạt được kế hoạch đề ra

3. Hoạt động phát triển mạng lưới:

Đến 30/12/2011, hệ thống cửa hàng PNJ và CAO là 151 cửa hàng trong đó 131 cửa hàng PNJ, 13 cửa hàng CAO và 7 cửa hàng Jemma.

Trong năm 2011, Công ty đã phát triển mới 05 cửa hàng vàng, 05 cửa hàng bạc và 02 cửa hàng phụ kiện. Đóng góp thêm 275,029 tỷ đồng doanh thu, chiếm 2,6%/doanh thu nữ trang. Công tác phát triển mạng lưới được nghiên cứu và chuẩn bị tốt nên tình hình kinh doanh tại các cửa hàng mới đều đạt doanh thu kỳ vọng ngay trong năm đầu tiên. Trung tâm bán hàng phục vụ du lịch vẫn chưa được triển khai do gặp phải những khó khăn về thủ tục xin phép xây dựng.

4. Công tác nhân sự:

Với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngay từ đầu năm công ty đã thuê tư vấn đánh giá hệ thống quản trị cũng như nguồn nhân lực trong lĩnh vực quản trị nhân sự, thông qua đánh giá đã nhận dạng được những yếu kém trong khâu quản trị nhân sự, đã xây dựng lại cơ cấu tổ chức của phòng của phòng quản trị nhân sự một cách chuyên nghiệp hơn, tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa tuyển dụng được giám đốc nhân sự và một số vị trí đạt yêu cầu .

Tuy nhiên công tác tuyển dụng và đào tạo đã có nhiều tiến bộ đáng kể, đáp ứng được nhu cầu bổ sung và dự trữ đội ngũ nhân viên bán hàng và các vị trí nhân viên phân hành của các phòng , chi nhánh đảm bảo yêu cầu về chất lượng. vấn đề khó khăn hiện cho đến nay là việc tuyển dụng các vị trí quản lý, rào cản lớn nhất đó là do chế độ tiền lương của các cấp quản lý tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng được nguyện vọng của ứng viên, là ngành hàng chuyên biệt nên chế độ trách nhiệm cao cần phải chọn lọc kỹ. Công tác đào tạo được nhận dạng và tổ chức có chất lượng, kịp thời bổ sung được những khiếm khuyết của nhân viên và cán bộ quản lý. Tinh thần và thái độ học tập rất tốt và sôi nổi trong diễn ra ở từng cấp. Đặc biệt trong năm Cty đã tổ chức một đợt học tập về nhận thức và tư duy tích cực, kết hợp với các hội thảo việc nhận thức lại các giá trị văn hóa của PNJ và xác định sự cần thiết của dự án Tái cấu trúc công ty, chuẩn bị tinh thần sẵn sàng cho dự án tái cấu trúc thực hiện từ đầu năm 2012 sẽ được thực hiện có tư vấn nước ngoài cho toàn thể cán bộ quản lý từ cấp trung trở lên đã tạo ra một nhận thức tốt, đồng dạng và quyết tâm thay đổi với ý chí cao.

5. Công tác thiết kế và xây dựng thương hiệu:

Công tác thiết kế được hoạch định chuyên nghiệp hơn , có sự phối hợp giữa các phòng KD, NCTT, và TKTM từ việc đề ra định hướng sản phẩm cho từng Chương trình, từng mua kinh doanh và cho từng dòng hàng, tuy nhiên thời gian chuẩn bị cho từng bộ sưu tập phục vụ cho các Chương trình trọng điểm trong năm vẫn chưa được tính toán một cách khoa học và kịp thời, còn tình trạng cập rập trong từng Chương trình. Công tác Marketing chuyên nghiệp hơn và đảm bảo chi phí cho từng chương trình mục tiêu, kết quả đánh giá của các Cty NCTT chuyên nghiệp thì thương hiệu PNJ vẫn giữ vị trí hàng đầu.

6. Công tác quản trị tài chính:

Quản lý nguồn vốn chặt chẽ, đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho các hoạt động. Chương trình ERP được đưa vào vận hành ở phân hệ tài chính từ giữa năm đã giúp cho công tác hạch toán và kiểm soát các quá trình dễ dàng và thuận lợi hơn. Tuy nhiên vẫn chưa triệt để được việc xử lý tồn đọng trong các phân đoạn sản xuất và tồn kho tại các cửa hàng.

Trong năm bộ phận kế toán đã có nhiều buổi tập huấn công tác kế toán và quản lý tài chính cho các đơn vị kinh doanh, chi nhánh, giúp các trưởng đơn vị nhận thức rõ hơn về nhiệm vụ quản lý tài chính tại đơn vị và tạo ra được sự tốt hơn với bộ phận kiểm soát nội bộ với các đơn vị kinh doanh trong việc kiểm soát và phòng ngừa rủi ro tại từng đơn vị.

Hệ thống IT đang được cải thiện về cơ sở phần cứng, cùng với dự án ERP, công ty cũng đã bắt đầu tìm đối tác để xây dựng lại chiến lược IT, để đầu tư căn cơ và bài bản hơn.



IV. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

S T T	Doanh Thu	31/12/2011		31/12/2010		Tăng / Giảm	
		Giá trị (Triệu đồng)	% Sở hữu	Giá trị (Triệu đồng)	% Sở hữu	Giá trị	%
I	Công ty con	90.000		80.000			
1	Vinagas	70.000	70%	70.000	70%		
2	Thời trang CAO	10.000	100%	10.000	100%		
3	Cty Giám định PNJL	10.000	100%			10.000	
II	Công ty liên kết	230.475		230.475			
1	SFC	138.609	49,99%	138.609	49,99%		
2	Địa ốc Đông Á	91.866	30,62%	91.866	30,62%		
III	Đầu tư cổ phiếu	474.745		485.988		(23.000)	-5%
1	Quê Hương Liberty	42.500	2,60%	40.833	2,60%		
2	Ngân hàng Đông Á	356.775	7,70%	356.775	7,70%		
3	Saigon M&C	65.380	5,00%	65.380	5,00%		
3	Địa ốc Kinh Đô			23.000	3,33%	(23.000)	-100%
IV	Trái phiếu, khác	10.090		11.756			
V	Dự phòng	(34.178)		(10.800)		(23.378)	
	Tổng cộng	761.042		797.419		(36.378)	-4.56%

Ghi chú: Đã trích lập dự phòng: 34.178.223.355 đồng.

- Tổng giá trị các khoản tư dài hạn đến cuối năm 2011 là 761,042 tỷ đồng (đã trích lập dự phòng 34,178 tỷ), tăng 10 tỷ do thành lập Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ và giảm 23 tỷ đồng do chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô, các khoản khác không thay đổi.
- Hoạt động Ngân hàng Đông Á năm 2011, lợi nhuận trước thuế 1.255 tỷ đồng, đạt 96,53% kế hoạch năm 2011.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (SFC) doanh thu đạt 1.794 tỷ đồng tăng 28% so năm 2010, LNTT đạt 39,13 tỷ đồng, đạt 122% kế hoạch năm, giảm 46,8% so năm 2010.
- Năm 2011 hoạt động kinh doanh của ngành gas nói chung và của Đại Việt nói riêng vẫn gặp nhiều khó khăn, giá gas biến động tăng liên tục, các hãng gas lớn tạo áp lực cạnh tranh gay gắt, nạn gas giả ngày càng biến tướng phức tạp, ngoài tầm kiểm soát... Doanh thu năm 2011 đạt 648 tỷ đồng, LNTT là 1,357 triệu đồng.
- Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á: Do ảnh hưởng khó khăn từ thị trường bất động sản, dự án trọng điểm của DongA Land là Khu phức hợp Golden Square và khu dân cư Phú Thuận, Quận 7 cũng bị ảnh hưởng về tiến độ triển khai thực hiện. Kết quả năm 2011 chủ yếu đến từ hoạt động xây dựng, dịch vụ tư vấn, tổng doanh thu thực hiện là 55,492 tỷ đồng, lỗ 15,068 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí lãi vay.

Với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, nhân viên trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, Công ty đã thực hiện tốt mục tiêu của mình trong năm 2011.

TM. Hội Đồng Quản Trị
Chủ Tịch

CAO THỊ NGỌC DUNG

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 5 NĂM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (2007 – 2011)

Nhiệm kỳ 2007 – 2011 qua đi trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước diễn biến phức tạp. Khởi đầu nhiệm kỳ nền kinh tế rơi vào thời điểm cuối của chu kỳ phát triển nóng, nhất là sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và địa ốc... Diễn biến tiếp theo là bước vào chu kỳ bất ổn với nguy cơ dẫn đến khủng hoảng kinh tế toàn cầu và Việt Nam không thể đứng ngoài vòng xoáy, nền kinh tế ngày càng xuất hiện nhiều khó khăn với lạm phát kéo dài nhiều năm lên đến 18% vào năm 2011, thị trường bất động sản đóng băng, thị trường tài chính bất ổn thị trường vàng tiền tệ (vàng miếng) sau một thời gian dài trầm lắng đã bước vào giai đoạn sôi động cả về giá và lượng giao dịch trên thị trường. Có thể nói đây là thời kỳ có sự biến động về giá với biên độ tăng giảm (theo xu thế tăng) lớn nhất trong lịch sử. Lãi suất ngân hàng đã tăng cao có lúc lên đến 25%/năm đưa đến nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên PNJ vẫn có được những thuận lợi cơ bản để tạo được các bước nhảy vọt như:

- Nền tảng văn hóa doanh nghiệp ổn định và vững vàng trước những khó khăn thách thức.
- Nguồn nhân lực ổn định về chất lượng và số lượng. Đặc biệt là có được một đội ngũ kỹ thuật và công nhân ngành kim hoàn được đào tạo đồng nhất và tay nghề cao.
- Thương hiệu PNJ đã tạo được thế vững mạnh trong nước và đã hội nhập với ngành kim hoàn thế giới.
- Hệ thống quản trị điều hành được quan tâm đầu tư chuẩn hóa.
- Nguồn vốn đảm bảo đủ cho hoạt động theo nhu cầu phát triển, đồng thời có uy tín cao trên thị trường tài chính.
- Giá vàng biến động gây bất ổn và căng thẳng cho hoạt động kinh doanh nhưng đồng thời cũng là thời cơ để tăng doanh thu và lợi nhuận.

Với những khó khăn và thuận lợi, nhiệm kỳ vừa qua PNJ đã hoàn thành các mục tiêu đề ra như sau:

1. Tối đa hóa doanh thu:

Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đề ra là 20% năm thì các chỉ tiêu đều tăng trưởng từ 25 đến 80,14% (vàng miếng) dẫn đến tổng doanh thu tăng 51,96% (chưa loại trừ yếu tố trượt giá hàng năm). Tuy nhiên, đối với hoạt động kinh doanh của ngành vàng chỉ tiêu doanh thu đôi khi không phản ánh được kết quả hoạt động vì biến động của giá vàng và doanh thu nhóm vàng miếng tạo ra doanh số nhưng lợi nhuận biên rất nhỏ. Chỉ tiêu được quan tâm đánh giá là chỉ tiêu doanh thu của nhóm Trang sức vàng, bạc và dịch vụ thì nhóm hàng này đã đảm bảo được chỉ tiêu đề ra, riêng nhóm hàng PNJSilver có mức tăng trưởng khá tốt (trên 40%/năm).

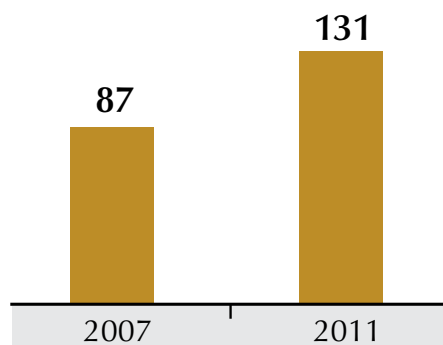
2. Mở rộng hệ thống phân phối:

Hệ thống bán lẻ tăng từ 87 lên 131 cửa hàng, nếu tính luôn hệ thống cửa hàng của công ty Cao thì tổng công là 152, tăng 1,75 lần. Mức độ tăng trưởng của hàng chưa đạt yêu cầu phát triển, do những khó khăn về việc tìm kiếm mặt bằng và chuẩn bị nguồn nhân lực. Đồng thời sản phẩm trang sức bán lẻ của PNJ nhắm vào phân khúc thu nhập từ trung bình trở lên do đó việc mở rộng mạng lưới còn phụ thuộc vào mức tăng trưởng thu nhập của nhóm khách hàng mục tiêu.

Hầu hết các cửa hàng mở ra đều đạt yêu cầu, đảm bảo được mức doanh thu tối thiểu. Tuy nhiên nếu tính doanh thu trên diện tích bán hàng và nhân viên bán hàng thì còn nhiều cửa hàng chưa đạt được kỳ vọng, nhất là các cửa hàng trong trung tâm thương mại mới mở và các cửa hàng ở tỉnh và xa trung tâm thành phố.

Về kênh bán sỉ đã phủ đều thị trường cả ba khu vực Bắc, Trung, Nam với gần 3000 khách hàng là các cửa hàng bán lẻ. Đặc biệt là khu vực TP HCM và Đông Nam Bộ.

Xuất khẩu tăng thêm được 06 khách, thị trường chủ yếu là Đức và Mỹ. Tuy nhiên, đến nay hoạt động xuất khẩu vẫn chiếm một tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu và vẫn chưa tìm được khách hàng lớn.



Biểu đồ tăng trưởng hệ thống phân phối

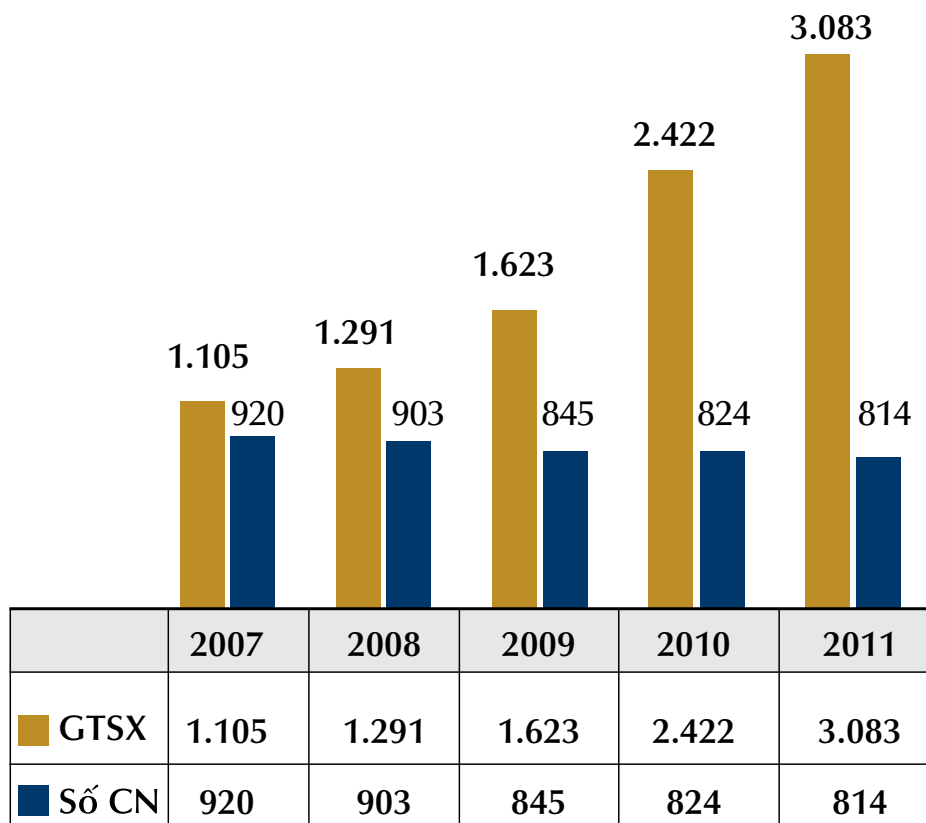
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 5 NĂM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (2007 – 2011)

3. Nâng cao năng lực sản xuất:

Năng lực sản xuất đã được nâng lên đáng kể về kỹ thuật cũng như hệ thống quản trị, cụ thể là dù phải sáp nhập hai xí nghiệp vàng bạc về chung một nơi, tuy diện tích chật hẹp nhưng đã bố trí hợp lý, các quy trình quản lý luôn được xem xét và nâng cấp hàng năm, được kiểm tra và hoàn thiện bởi các hệ thống kiểm soát theo ISO, 5S, LEAN và được cải tiến liên tục theo Kaizen. Cập nhật kịp thời Công nghệ mới về ngành kim hoàn của thế giới như công tác tạo mẫu đã được thực hiện trên máy bằng kỹ thuật 3D, ứng dụng công nghệ Nano trong xi mạ... Kết quả đem đến giá trị công nghiệp tăng lên đáng kể với tốc độ tăng bình quân 62,75%/năm, do nhờ vào những cải tiến kỹ thuật và tay nghề đã thay đổi cơ cấu sản phẩm từ giản đơn đến phức tạp và có hàm lượng giá trị gia tăng cao hơn.

Mặt khác về năng suất lao động tăng cao do trình độ tay nghề của công nhân được cải thiện và công nghiệp hóa ngày càng cao. Giảm được giá thành sản phẩm, tăng được lợi nhuận biên cho nhóm hàng trang sức.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Tốc độ tăng trưởng bình quân
Giá trị sản xuất	Triệu đồng	1.105.601	1.291.050	1.623.809	2.421.802	3.082.741	29,75%
Số công nhân	Người	920	903	845	824	814	-3,12%



Biểu đồ tăng trưởng giá trị sản xuất (tỷ đồng) và số công nhân (người)

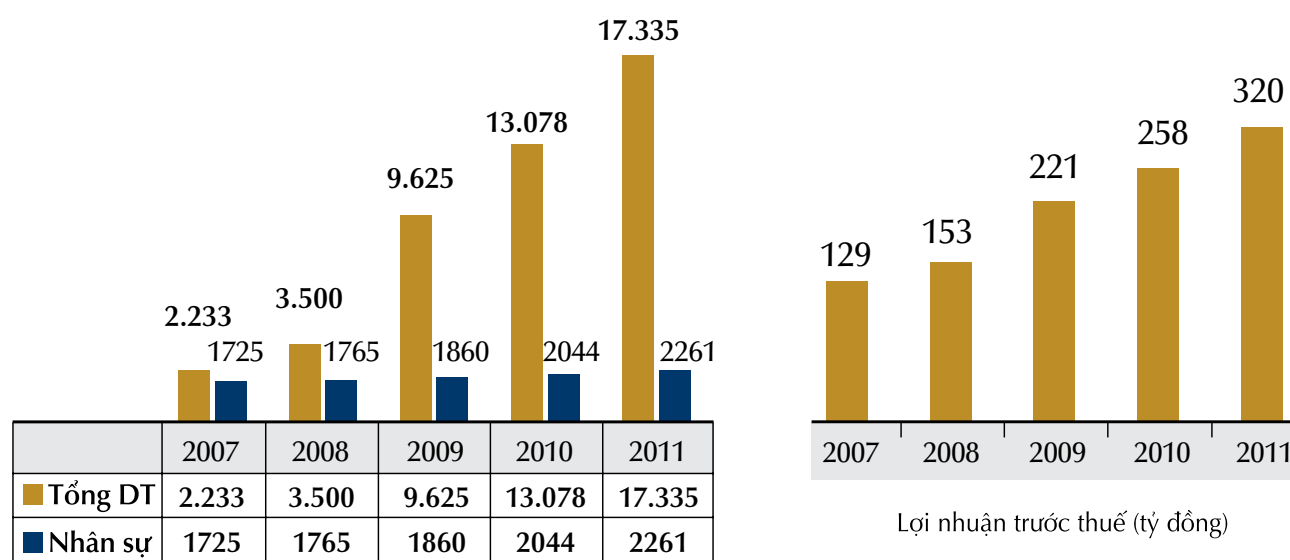


4. Nâng cao năng lực sản xuất quản lý và chất lượng nguồn nhân lực:

Hệ thống quản trị được cập nhật soát xét và hoàn thiện theo hướng chuyên nghiệp phù hợp với nhu cầu quản lý và phát triển. Đầu nhiệm kỳ, Công ty đã tiến hành một đợt tái cấu trúc cơ cấu tổ chức, năm 2010 thành lập Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO, năm 2011 nâng cấp Phòng Kiểm định Kim cương lên Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ (PNJL). Tiến hành xem xét và cải tiến hệ thống quy trình và quy chế cấp Công ty, cấp bộ phận (37 quy trình cấp công ty được cải tiến). Hình thành được hệ thống quy trình và quy chế rõ ràng cho các mảng nghiệp vụ và từng bộ phận chức năng, đã mang đến kết quả là xác định trách nhiệm của từng bộ phận, hạn chế được việc đổ lỗi cho nhau. Đặc biệt là quản trị sản xuất được quan tâm sâu sát và cải tiến liên tục, giảm được thất thoát nguyên liệu và hao hụt; chỉ tiêu hao hụt được giảm dần từng năm (năm 2007 hao hụt vàng là 2,33% thì năm 2011 còn 0,99%; Bạc năm 2007: 8,79%, năm 2011 còn 3,21%).

Chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao thông qua các chương trình đào tạo cụ thể từ cấp quản lý đến nhân viên bán hàng, cán bộ kỹ thuật và công nhân. Trong năm năm đã tổ chức 132 đợt đào tạo bên trong và 129 đợt đào tạo bên ngoài. Thành viên Ban Tổng Giám đốc cũng được bổ sung kiến thức về quản trị cũng như nâng cao năng lực lãnh đạo thông qua các khóa đào tạo do các tổ chức giáo dục quốc tế liên kết đào tạo. Đội ngũ nhân viên bán hàng được liên tục đào tạo bằng bộ giáo trình Công ty kết hợp với các chuyên gia chuyên về đào tạo bán hàng soạn thảo dành riêng cho PNJ. Đội ngũ công nhân hàng năm được tuyển chọn để đào tạo các lớp nâng cao tay nghề, kết quả lực lượng công nhân tay nghề cao ngày càng tăng. Tổng ngân sách dành cho đào tạo trong năm năm là 4.735.000.000 đồng.

Chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên biểu hiện rõ nét ở chỗ, trong năm năm qua tốc độ tăng trưởng về nhân sự chỉ tăng 7%, trong khi đó tốc độ tăng doanh thu bình quân là 51,96% và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận là 24%. Thu nhập của người lao động cũng được nâng cao hàng năm với tốc độ tăng bình



Tổng doanh thu (tỷ) và tổng nhân lực (người)



Tuy nhiên với nhu cầu phát triển hiện nay thì nguồn nhân lực của Công ty cũng còn nhiều hạn chế do nhiều nguyên nhân:

- Là một ngành đặc thù, người lao động luôn gắn với tài sản là tiền và vàng, có nhiều áp lực và nhiều quy chế ràng buộc vì thế cũng khó tuyển người phù hợp, nhất là việc tuyển nhân sự cho các chi nhánh ở xa và các tỉnh mà PNJ mới thâm nhập và cũng thường xuyên xảy ra tình trạng người lao động vi phạm quy tắc quản lý tài sản.

- Chế độ tiền lương và cơ cấu lương trong những năm qua tuy đã nhiều lần cải tiến theo hướng nâng cao nhưng vẫn chưa tương xứng với trách nhiệm quản lý, đồng thời quy chế khen thưởng và thang bảng lương thật sự chưa có những chuẩn mực đo lường được hiệu quả của từng công việc một cách khoa học để có thể trả lương hợp lý. Do đó, công tác tuyển dụng ở các vị trí quản lý gặp khó khăn, không bổ sung được đội ngũ quản trị đúng tầm với nhiệm vụ phát triển của công ty, còn tình trạng phải choàng gánh công việc hay cán bộ quản lý ở một vài bộ phận chưa xứng tầm.

5. Dẫn đầu về thương hiệu trang sức tại thị trường Việt Nam:

Công tác marketing được tiến hành xuyên suốt và chuyên nghiệp cho từng nhãn hàng riêng biệt. Tính đến thời điểm hiện nay, PNJ có bốn nhãn hàng cho từng phân khúc thị trường khác nhau, ba nhãn hàng CAO, PNJ và PNJSilver đã tạo được dấu ấn tích cực trong thị trường, đặc biệt thương hiệu Kiểm định Kim cương PNJ chiếm vị trí số một tại Việt Nam ngang bằng với thương hiệu số một quốc tế là GIA và được GIA đưa vào bảng xếp hạng toàn cầu của GIA. Trong năm năm qua, ngoài các cuộc nghiên cứu tự thực hiện, Công ty đã hai lần tiến hành đo lường sức mạnh của thương hiệu PNJ, và một lần đo lường nhãn PNJSilver một cách chuyên nghiệp thông qua hai công ty nghiên cứu thị trường quốc tế là TNS và ACNeilson, đã cho thấy được kết quả là cả hai nhãn hàng đều chiếm vị trí dẫn đầu tại thị trường Việt Nam. Nhãn hàng CAO đã tạo được vị trí trong thị trường cao cấp, nhãn hàng Jemma mới được xây dựng trong hai năm và đang trong quá trình xác định vị trí. Về uy tín quốc tế, năm 2010 PNJ được Plimsoll – một tổ chức đánh giá các ngành công nghiệp thế giới có trụ sở tại Anh, xếp PNJ vị trí thứ 16 các doanh nghiệp ngành kim hoàn thế giới về quy mô và tốc độ tăng trưởng.

6. Quản lý và sử dụng vốn hiệu quả:

Công tác quản trị tài chính được thực hiện thông qua các hệ thống chỉ tiêu và các chuẩn mực kế toán do nhà nước ban hành cùng với các chuẩn mực kiểm toán quốc tế. Công tác hạch toán và các chỉ tiêu tài chính từng kỳ luôn thể hiện được tính minh bạch và kịp thời. Bộ máy kế toán và kiểm soát nội bộ thường xuyên được đánh giá và bồi dưỡng nghiệp vụ đủ đáp ứng nhu cầu quản lý. Công tác quản lý và kiểm soát vốn tại các đơn vị kinh doanh, xí nghiệp được theo dõi chặt chẽ và thường xuyên đã thúc đẩy vòng quay vốn, giảm chi phí, đặc biệt là chi phí hao hụt và lãi vay.

Để công tác quản lý và cập nhật kịp thời các hoạt động kinh doanh, năm 2008 Công ty bắt đầu tiến hành dự án ERP, nhưng sau gần hai năm khởi động do là một ngành quá chuyên biệt nên dù đã ký hợp đồng với đối tác nước ngoài nhưng dự án vẫn không thành công. Đến giữa năm 2010, dự án được khởi động lại với một đối tác trong nước ở phạm vi điều tiết hẹp hơn và tiến hành từng phần. Đến nay, dự án đã hoàn thành với phân hệ quản trị tài chính và quản lý bán hàng, bước đầu đưa vào thực hiện đã giúp cho công tác quản trị tài chính và quản lý hệ thống kinh doanh được tốt hơn, hiện nay dự án đang bắt đầu triển khai cho phân hệ sản xuất.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 5 NĂM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (2007 – 2011)

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm (2007 - 2011)
1	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	300	300	400	600	600	20,83%
2	Vốn hoạt động (tỷ đồng)	1.297	1.452	1.734	2.201	2.684	20,06%
	Vốn tự có	935	908	952	1.005	1.073	
	Vốn vay	362	544	782	1.196	1.611	
3	Tổng doanh thu (tỷ đồng)	2.233	3.500	9.625	13.078	17.335	51,96%
4	Doanh thu xuất khẩu (triệu USD)	2.79	15.33	178	292	246	
5	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	129	153	221	258	302	24,21%
6	Nộp ngân sách (tỷ đồng)	84	77	99	119	161	28,02%
7	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	113	122	176	207	242	21,72%
8	Tổng số lao động (người)	1.725	1.765	1.860	2.044	2.261	7,02%
9	Thu nhập bình quân của công nhân, nhân viên (triệu đồng/tháng)	2.500	3.200	4.705	5.100	6.100	25,76%

8. Nâng cao quan hệ với nhà đầu tư và cộng đồng:

Trong ba năm đầu nhiệm kỳ, quan hệ với nhà đầu tư chưa được quan tâm đã dẫn đến nhiều nhà đầu tư không hiểu rõ về công ty cũng như tính đặc thù của ngành hàng. Do đó, dù công ty có tốc độ tăng trưởng và lợi nhuận tốt nhưng tính thanh khoản và cổ phiếu PNJ kém hấp dẫn trên thị trường. Nhận thức được điều này, năm 2010 Công ty đã đầu tư tốt hơn về công tác PR công ty cũng như các báo cáo phân tích tài chính sâu hơn về các chỉ tiêu cũng như giải thích rõ hơn các đặc tính ngành nghề, sự khác biệt trong hạch toán và phân tích các chỉ tiêu trong báo cáo cũng như trong các cuộc tiếp xúc với các nhà đầu tư, có phân công nhân sự chịu trách nhiệm về quan hệ với nhà đầu tư. Tuy nhiên, đến nay Công ty vẫn chưa tuyển được nhân sự chuyên trách lĩnh vực này.

Về quan hệ cộng đồng PNJ được đánh giá là một công ty tích cực và thân thiện trong các mối quan hệ cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội từ thiện và các chương trình tài trợ marketing thương hiệu cũng như các chương trình liên kết quảng bá thương hiệu cùng các thương hiệu lớn như Vinamilk, Unilver, Metro, DAB và một số các ngân hàng.

Công tác xã hội từ thiện được đặt ra hàng năm như một nhiệm vụ chính. Thông qua Quỹ Từ thiện PNJ, các quỹ đồng sáng lập như Quỹ Saigon Times Foundation, Quỹ EDF (cùng báo Sài Gòn Tiếp thị), các chương trình vận động của Mặt trận Tổ quốc, Công ty đã thực hiện nhiều chương trình xã hội mang dấu ấn PNJ. Đã được xã hội ghi nhận, tạo được niềm tin yêu của các cấp chính quyền cũng như người dân trong cả nước, nhất là trong lĩnh vực giáo dục. Trong năm năm Công ty đã thực hiện công tác xã hội từ thiện với tổng số tiền là 14,126 tỷ đồng.

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

CAO THỊ NGỌC DUNG

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

Với các khó khăn trong năm 2012 được dự báo nhưng toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty PNJ đều thể hiện quyết tâm xây dựng kế hoạch hành động năm 2012 vẫn đảm bảo tốc độ tăng trưởng với các cụ thể như sau:

1. Mục tiêu chất lượng:

Tạo bước đột phá làm tiền đề cho chiến lược phát triển nhiệm kỳ 2012 – 2017, khẳng định vị trí dẫn đầu về sản xuất và kinh doanh bán lẻ trang sức tại Việt Nam.

Các mục tiêu cần đạt được:

- Chất lượng nguồn nhân lực phải được nâng cao. Xây dựng được các tiêu chuẩn đánh giá nhân sự theo KPI. Bổ sung đủ nguồn lực cho nhu cầu phát triển.
- Quy trình quản lý được cải tiến với tính chuyên nghiệp cao ở từng lĩnh vực và từng cấp quản lý.
- Hệ thống bán lẻ được tăng cường mở rộng tại các thị trường trọng điểm. Đặc biệt quan tâm thác thị trường miền Bắc. Đạt số lượng cửa hàng mở mới trong năm là 30 cửa hàng. Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Thể hiện được tính sáng tạo và sự khác biệt của từng dòng sản phẩm.
- Tăng độ nhận biết của từng dòng sản phẩm trên thị trường.
- Tăng năng suất và tiết kiệm chi phí, hạ được giá thành sản phẩm.
- Tăng thu nhập cho cán bộ, nhân viên.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Năm 2011		Kế hoạch năm 2012		Tăng / Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	%
1	Nữ trang vàng	3.541.023	20,43%	4.038.059	39,19%	656.960	14,04%
	Trong đó, Xuất khẩu	96.717	2,73%	125.732	3,11%	29.015	30,00%
2	Nữ trang bạc	164.861	0,95%	230.804	2,24%	65.943	40,00%
4	Đồng hồ, phụ kiện	5.502	0,03%	8.803	0,09%	3.301	60,00%
5	Dịch vụ	16.973	0,10%	25.459	0,25%	8.486	50,00%
6	Vàng miếng, vàng 24K	8.639.729	49,84%	6.000.000	58,23%	-2.639.729	-30,00%
7	Tổng doanh thu	17.335.035	100,00%	10.303.125	100%	-6.871.986	-40,56%
8	Vốn điều lệ	600.000		800.000		200.000	33,33%
9	Lợi nhuận trước thuế (chưa hợp nhất)	302.072		316.200			4,70%
10	Lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất)	241.709		252.150			4,32%
11	Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất)	318.160		326.000			2,50%
12	Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	257.506		264.000			2,50%
13	Cổ tức	25%		23%			

3. Đầu tư và mở rộng hệ thống:

- Hoàn tất việc chuyển nhượng cổ toàn bộ cổ phần trong Công ty Năng lượng Đại Việt.
- Tìm cơ hội thoái vốn tại Công ty Cổ phần Sài Gòn M&C.
- Góp vốn vào Ngân hàng Đông Á và DongA Land theo kế hoạch tăng vốn của đối tác.
- Đầu tư hoàn tất Xí nghiệp nữ trang PNJ, Trung tâm Kim hoàn PNJ 52 Nguyễn Văn Trỗi, Trung tâm bán hàng phục vụ du lịch tại Thủ Khoa Huân, Quận 1.
- Đầu tư mở rộng dự án Trung tâm phục vụ du lịch có quy mô lớn tại Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận.
- Mở thêm 09 cửa hàng vàng và 21 cửa hàng bạc.

CƠ CẤU TỔ CHỨC

NHÂN SỰ & QUẢN TRỊ CÔNG TY





Bà CAO THỊ NGỌC DUNG

CHỦ TỊCH HĐQT

- **Năm sinh:** 1957
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
Cử nhân Kinh tế thương nghiệp,
ĐH Kinh tế TP.HCM
- **Quá trình công tác:**
1984 – 1985: Phó phòng Kế hoạch Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Phú Nhuận
1985 – 1987: Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Nông sản thực phẩm Quận Phú Nhuận
1988 – 2003: Giám Đốc Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
Năm 1990: Giám Đốc Trung tâm Tín dụng Phú Gia
1991 – 1992: Giám Đốc Công ty Thương mại Phú Nhuận
1992 – 1997: Chủ tịch HĐQT Ngân Hàng TMCP Đông Á
2003 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Đông Á
2005 – 2011: Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Năng lượng Đại Việt
2004 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận



Ông NGUYỄN VŨ PHAN

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

- **Năm sinh:** 1956
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Bách khoa TP.HCM.
- Kỹ sư rèn dập – chế tạo máy, ĐH Bách khoa Hà Nội
- **Quá trình công tác 1997 – 2012:**
1978 – 1985: Trưởng Ban Công nghệ Xí nghiệp Caric
1985 – 1987: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Thiết bị toàn bộ (Sở Công nghiệp TP. HCM)
1987 – 1996: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Công nghệ mới (COTEC), Phân viện KHVN tại TP.Hồ Chí Minh
1996 – 1999: Phó Giám đốc Xí nghiệp may Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương
1999 – 2003: Phó Giám đốc Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận
2004 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận



Bà NGUYỄN THỊ CÚC

ỦY VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
ĐH Kinh tế TP.HCM
- Quá trình công tác:
1983 – 1988: Chuyên viên
Phòng Thống kê – Kế hoạch
Quận Phú Nhuận
1988 – 1995: Kế toán trưởng
Công ty Vàng bạc Đá quý
Phú Nhuận
1996 – 2003: Phó Giám đốc
Công ty Vàng bạc Đá quý
Phú Nhuận
2007 – nay: Trưởng ban kiểm
soát Ngân hàng TMCP Đông Á
2004 – nay: Ủy viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc
thường trực Công ty Cổ phần
Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận



Ông NGUYỄN TUẤN QUỲNH

ỦY VIÊN HĐQT

- Năm sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:
- Tiến Sỹ Quản trị kinh doanh,
Paramount University
- Thạc Sỹ Quản trị kinh doanh,
ĐH Mở bán công TP.HCM
- Cử nhân Quản trị kinh doanh,
ĐH Kinh tế TP.HCM
- Quá trình công tác:
1994 – 2005:
- Trợ lý TGĐ, Phó phòng Kinh
doanh Gas Saigon Petro
- Ủy viên Hội Quản Trị
Công ty Cổ Phần Dầu Khí
Saigon Phú Yên.
- Ủy viên Hội Quản Trị
Công ty Cổ Phần Dầu Khí
Saigon Nghệ An.
2005 – 2007:
Phó Tổng Giám đốc Saigon Gas
2007 – nay: Phó Tổng Giám đốc
CTCP Vàng Bạc Đá Quý
Phú Nhuận
2007 – 2011: Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Năng lượng Đại Việt
2007 – 2010: Chủ Tịch HĐQT
Công ty Bình Khí Đốt Hong Vina
2007 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP
Đầu tư và Đào tạo Doanh Chủ
2008 – nay: Chủ tịch HĐQT
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn SFC



Bà NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ

ỦY VIÊN HĐQT

- **Năm sinh:** 1969
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
 - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Vanderbilt University USA
 - Chứng chỉ Kinh tế học ứng dụng vào phân tích chính sách, Chương trình Fulbright Việt Nam
 - Cử nhân Kinh tế ngoại thương, ĐH Kinh tế TP.HCM
- **Quá trình công tác:**
 - 1992 – 1999:** Trưởng phòng Kinh doanh Chi nhánh TP.HCM Công ty XNK Phú Yên
 - 2001 – 2008:** Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Á
 - 2006 - 2009:** Cố vấn, thành viên HĐQT của Doanh nghiệp Phát triển Cộng Đồng Bình Minh
 - Từ năm 2010 đến nay:** Cố vấn cao cấp của Trường Đào tạo Quản lý doanh nghiệp CBAM



Ông ANDY HO

ỦY VIÊN HĐQT

- **Năm sinh:** 1972
- **Quốc tịch:** Mỹ
- **Trình độ chuyên môn:**
 - Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cao học MIT (Mỹ)
 - Cử nhân Kế toán, ĐH Colorado (Mỹ)
- **Quá trình công tác:**
 - 2000 – 2004:** Giám đốc Đầu tư Dell Computer Corp (Mỹ)
 - 2004 – 2007:** Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Prudential
 - 2007 – nay:** Trưởng đại diện VPĐD VinaCapital



Bà PHẠM VŨ THANH GIANG

ỦY VIÊN HĐQT

- **Năm sinh:** 1983
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
 - Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, University of Applied Sciences Northwestern Switzerland
 - Cử nhân Tài chính Ngân hàng, ĐH Ngân hàng TP.HCM
- **Quá trình công tác:**
 - 2005 – 2006:** Nhân viên Aon VietNam
 - 2007 – nay:** Trưởng phòng Mekong Capital

BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM VĂN TÂN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- **Năm sinh:** 1960
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
 - Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp, ĐH Kinh tế TP.HCM
 - Cử nhân Kinh tế Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia TP.HCM – Phân viện Báo chí và Tuyên truyền
- **Quá trình công tác:**
 - 1982 – 1989:** Trợ lý Giáo vụ và Giảng dạy Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
 - 1989 – 6/1992:** Phụ trách Kinh doanh, Hành chính Xí nghiệp Vàng bạc Đá quý SJC
 - 7/1992 – 7/2010:** Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á
 - 9/2010 – 2/2012:** Cố vấn HĐQT Công ty CP Mạng truyền thông Quốc tế Toàn cầu (Công ty INCOMNET)



Bà NGUYỄN NGỌC HUỆ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- **Năm sinh:** 1965
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
 - Cử nhân Tài chính thương nghiệp, ĐH Tài chính kế toán TP.HCM
 - Giấy chứng nhận Kế toán – Tài vụ XNK, Trường Kinh tế Đối ngoại
 - Giấy chứng nhận lớp Bồi dưỡng kế toán trưởng, Bộ Tài chính
- **Quá trình công tác:**
 - 1988 – 1991:** Kế toán Tổng hợp Công ty CODIMEX TP. Vũng Tàu
 - 1991 – 1994:** Kế toán trưởng Khách sạn CANADIAN TP. Vũng Tàu
 - 1994 – 1997:** Kế toán trưởng Công ty Giao châu TP. Vũng Tàu
 - 1997 – 1998:** Kế toán Tổng hợp Công ty DUHACO TP.HCM
 - 1998 – 1999:** Kế toán trưởng Công ty COMPUNET TP.HCM
 - 2000 – 2010:** Trưởng Bộ phận Kế toán Thanh toán Công ty PNJ
 - 2011 – nay:** Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Giám định PNJ



Ông TRẦN VĂN DÂN

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- **Năm sinh:** 1974
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:**
 - Cử nhân Kế toán, ĐH Thương mại
 - Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kỹ thuật công nghệ TP.Hồ Chí Minh
 - Chứng chỉ kế toán trưởng, ĐH Quốc gia TP.HCM
- **Quá trình công tác:**
 - 1997 – nay:** Đã trải qua các chức danh sau tại Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - PNJ:
 - Công nhân trực tiếp sản xuất
 - Trưởng BP Chất lượng
 - Phó phòng Quản trị Chất lượng
 - Trưởng P.Quản trị chất lượng
 - Phó GD XNNT PNJ
 - Phó phòng Quản lý sản xuất XNNT PNJ
 - Phó phòng Kỹ thuật chất lượng XNNT PNJ
 - Trưởng phòng Kỹ thuật Chế tác nữ trang – XNNT PNJ

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà CAO THỊ NGỌC DUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà NGUYỄN THỊ CÚC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TT



Ông NGUYỄN VŨ PHAN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN TUẤN QUỲNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà PHẠM THỊ MỸ HẠNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông LÊ HỮU HẠNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT LƯƠNG & TRỢ CẤP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



1. Thù lao của Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị	10.000.000 đồng/tháng
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	7.000.000 đồng/tháng
Ủy viên Hội đồng quản trị	5.000.000 đồng/tháng

2. Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát	4.000.000 đồng/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	2.000.000 đồng/tháng

3. Lương, trợ cấp của Tổng Giám đốc:

- Lương, trợ cấp của Tổng giám đốc	111.000.000 đồng/tháng
- Thưởng (bao gồm 1 tháng lương thứ 13 và 1,5 tháng lương ABC)	2,5 tháng lương

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA PNJ (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2012)



A. Tổng số cổ phần:	59.999.142	cổ phần, chiếm 100%
Trong đó:		
1. Trong nước:	34.669.225	cổ phần, chiếm 57,78%
- Cá nhân:	28.437.979	cổ phần, chiếm 47,40%
- Tổ chức:	6.231.246	cổ phần, chiếm 10,38%
2. Nước ngoài:	25.329.917	cổ phần, chiếm 42,22%
- Cá nhân:	112.543	cổ phần, chiếm 0,19%
- Tổ chức:	25.217.374	cổ phần, chiếm 42,03%
B. Các cổ đông lớn của PNJ:		
1 Bà Cao Thị Ngọc Dung	6.088.920	cổ phần, chiếm 10,1485%
2 VIETNAM AZALEA FUND LIMITED	4.138.989	cổ phần, chiếm 6,8985%

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2011

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần 14 – năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2011 như sau:

I. VỀ NHÂN SỰ:

1. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty năm 2011 là 05 thành viên, gồm 01 Chủ tịch HĐQT (do bà Cao Thị Ngọc Dung làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc), 01 Phó Chủ tịch và 03 Ủy viên Hội đồng quản trị; trong đó, có 03 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT kiêm nhiệm và 02 thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

2. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty gồm 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do bà Trương Nguyễn Thiên Kim làm Trưởng ban; trong đó, có 02 thành viên BKS độc lập không điều hành và 01 thành viên làm việc tại công ty.

II. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh của công ty năm 2011:

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất – kinh doanh năm 2011 của công ty và giao cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, HĐQT đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Tổng Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện.

Trong năm qua, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, HĐQT đã có chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn từ thực tế.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011 của riêng Công ty PNJ đạt được như sau:

- Doanh thu thực hiện đạt 17.335 tỷ đồng, tăng 32,55% so với năm 2010.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 302,072 tỷ đồng, vượt 2,35% so với kế hoạch năm 2011 và tăng 17,07% so với năm 2010.
- Thu nhập bình quân của người lao động đạt: 6.100.000 đồng/người/tháng.

2. Về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong năm 2011:

Trong năm 2011, PNJ đã triển khai thực hiện một số kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần 14 – năm 2010 gồm:

- Thực hiện việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2010 theo Điều 5 của nghị quyết.
- Lựa chọn công ty kiểm toán quốc tế KPMG thực hiện kiểm toán năm 2011.
- Cơ cấu lại danh mục đầu tư: đang tiến hành thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt; dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2012.
- Cùng công ty tư vấn nước ngoài xây dựng chiến lược phát triển công ty giai đoạn 2012-2022; dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 6/2012.

3. Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2011, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 35 cuộc họp; qua đó đã ban hành 27 nghị quyết HĐQT công ty. Các cuộc họp đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những phát sinh.
- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo Điều lệ.
- Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết đã thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ.

Trong năm 2011, HĐQT công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp.

Trân trọng.

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

CAO THỊ NGỌC DUNG

BÁO CÁO TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG 5 NĂM CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2007 – 2012



Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần 4 – năm 2007, Hội đồng quản trị công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ 2 (2007-2012) như sau:

I. VỀ NHÂN SỰ:

1. Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên, gồm 01 Chủ tịch HĐQT (do bà Cao Thị Ngọc Dung làm Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc), 01 Phó Chủ tịch và 03 Ủy viên Hội đồng quản trị; trong đó, có 03 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT kiêm nhiệm và 02 thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Ngày 25/02/2011 ông Đặng Phước Dừa xin từ chức thành viên Hội đồng quản trị vì lý do bận việc gia đình và ngày 08/03/2011 Hội đồng quản trị đã chấp thuận đơn xin từ nhiệm của ông Đặng Phước Dừa và bổ nhiệm ông Bùi Việt làm Ủy viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2 (2007 – 2012). Đại hội đồng cổ đông lần thứ 14 – năm 2011 đã thông qua quyết định này.

2. Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty gồm 03 thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên do bà Trương Nguyễn Thiên Kim làm Trưởng ban; trong đó, có 02 thành viên BKS độc lập không điều hành và 01 thành viên làm việc tại công ty.

II. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

1. Về kết quả sản xuất, kinh doanh của công ty nhiệm kỳ 2007-2012:

Sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất – kinh doanh nhiệm kỳ 2007-2012 của công ty và giao cho Hội đồng quản trị tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, HĐQT đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất, kinh doanh và giao cho Tổng Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện. Hàng năm, các đại hội đồng cổ đông thường niên đều cụ thể hóa phương hướng này thành các phương hướng hoạt động hàng năm và giao cho HĐQT tổ chức triển khai thực hiện và HĐQT đã báo cáo kết quả hoạt động hàng năm trong các kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên trước cổ đông. Nay HĐQT xin báo cáo tổng kết toàn bộ hoạt động của HĐQT trong cả nhiệm kỳ.

Trong nhiệm kỳ vừa qua, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, HĐQT đã có chủ trương giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn từ thực tế.

Kết quả sản xuất – kinh doanh trong nhiệm kỳ 2007-2012 của Công ty PNJ đạt được như sau:

- Vốn điều lệ: Từ 100 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng, tăng gấp 6 so với đầu nhiệm kỳ. Tốc độ tăng trung bình 20,83%/năm.
- Vốn hoạt động: Từ 1.297 tỷ đồng lên 2.684 tỷ đồng, tăng 2,069 lần so với đầu nhiệm kỳ. Tốc độ tăng trung bình 20,06%/năm.
- Tổng số nhân sự: Từ 1.725 người lên 2.261 người, 1,31 lần so với đầu nhiệm kỳ. Tốc độ tăng trung bình 7%/năm.
- Số lượng cửa hàng: Từ 87 cửa hàng lên 131 cửa hàng (không bao gồm hệ thống kinh doanh thuộc Công ty CAO), tăng 1,5 lần so với đầu nhiệm kỳ. Tốc độ tăng trung bình 14,4%/năm.
- Doanh thu: Từ 2.233 tỷ đồng lên 17.335 tỷ đồng, tăng 7,76 lần so với đầu nhiệm kỳ. Tốc độ tăng trung bình 51,96%/năm.
- Lợi nhuận trước thuế: Từ 129 tỷ đồng lên 302,072 tỷ đồng, tăng 2,34 lần so với đầu nhiệm kỳ. Tốc độ tăng trung bình 24,21%/năm.

BÁO CÁO TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG 5 NĂM CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2007 – 2012



- Thu nhập bình quân của CB-NV: Từ 2,5 triệu đồng/tháng lên 6,1 triệu đồng/tháng, tăng 2,44 lần so với đầu nhiệm kỳ. Tốc độ tăng trung bình 25,76%/năm.
- Nộp ngân sách: Từ 84 tỷ đồng năm 2006 lên 161 tỷ đồng năm 2011, tăng trung bình 28,02%/năm.

2. Về thực hiện Nghị quyết của các ĐHĐCĐ thường niên trong nhiệm kỳ:

Đã được báo cáo cụ thể trong các đại hội đồng cổ đông thường niên và đã được đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với sự nhất trí cao.

3. Về tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Trong nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 220 cuộc họp; qua đó đã ban hành 87 nghị quyết HĐQT công ty. Các cuộc họp đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp nhằm giải quyết kịp thời những phát sinh.
- Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đầy đủ có chữ ký của các thành viên HĐQT tham gia dự họp, đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo Điều lệ.
- Các thành viên HĐQT có tinh thần đoàn kết đã thể hiện hết tinh thần trách nhiệm và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ.

Trong nhiệm kỳ, HĐQT công ty đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp. Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT công ty trong nhiệm kỳ 2007-2012,

Trân trọng.

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

CAO THỊ NGỌC DUNG

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



Kính gửi quý cổ đông,

Căn cứ:

- Điều Lệ của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (sau đây gọi tắt là PNJ);
- Quy chế quản trị của PNJ ban hành ngày 29/03/2008;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát PNJ nhiệm kỳ 2 (2007 – 2012) số 407-QC/2007/BKS-CTY ngày 15/05/2007;
- Báo cáo tài chính năm 2010 của PNJ đã được kiểm toán;
- Báo cáo tài chính năm 2011 của PNJ đã được kiểm toán;
- Báo cáo tổng kết hoạt động năm 2011 của PNJ;

Ban Kiểm soát báo cáo về việc đánh giá tình hình hoạt động của PNJ trong năm 2011 như sau:

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Trong năm 2011, PNJ đã triển khai các hoạt động kinh doanh theo định hướng phát triển thể hiện trong Chương trình hành động của PNJ năm 2011 do ĐHCĐ đã thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2011. Cụ thể, tỷ lệ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận thực hiện trong năm 2011 so với kế hoạch như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2010 (đồng)	Năm 2011 (đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng 2011/ 2010 (%)	Kế hoạch tăng trưởng 2011 (%)
I. KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA PNJ				
1. Tổng doanh thu	13.077.790.334.837	17.335.035.111.824	32,55%	15%
Trong đó:				
Doanh thu kinh doanh nữ trang vàng (nội địa)	2.852.246.508.516	3.444.305.856.305	20,76%	15%
Doanh thu kinh doanh nữ trang bạc (nội địa)	110.227.576.030	149.727.041.534	35,83%	30%
Doanh thu nữ trang xuất khẩu (vàng + bạc)	92.477.059.007	111.850.607.335	20,95%	30%
Doanh thu dịch vụ kiểm định	6.199.530.557	9.151.615.959	47,62%	15%
Doanh thu kinh doanh vàng miếng (nội địa)	4.242.521.325.998	8.639.728.544.883	103,65%	
Doanh thu vàng 20K xuất khẩu	5.765.272.356.781	4.966.947.763.408	-13,85%	
Doanh thu đồng hồ	1.622.072.282	5.502.352.001	239,22%	
Doanh thu khác (thuê kho, phụ tùng, dịch vụ khác...)	7.223.905.666	7.821.330.399	8,27%	

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



Chỉ tiêu	Năm 2010 (đồng)	Năm 2011 (đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng 2011/ 2010 (%)	Kế hoạch tăng trưởng 2011 (%)
2.1. Lợi nhuận trước thuế	257.918.248.683	302.072.874.291	17,12%	15%
Trong đó:				
Lợi nhuận từ đầu tư tài chính	74.408.129.271	42.551.158.773	-42,81%	
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính	173.697.008.986	248.432.100.569	43,03%	
Lợi nhuận khác	9.813.110.426	11.089.614.949	13,01%	
2.2. Lợi nhuận sau thuế	206.555.212.593	241.709.749.660	17,02%	15%
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.443	4.029	17,02%	
II. KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA PNJ & CÁC CÔNG TY CON (số liệu hợp nhất)				
1. Tổng doanh thu	13.798.302.596.222	18.038.055.458.855	30,73%	15%
2.1. Lợi nhuận trước thuế	263.892.214.917	318.165.893.441	20,57%	15%
2.2. Lợi nhuận sau thuế	211.341.345.223	257.506.607.337	21,84%	15%
3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.533	4.285	21,29%	

Nhận xét:

Doanh thu: Năm 2011, các chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu của PNJ nói riêng và chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu hợp nhất của PNJ và các công ty con (theo số liệu hợp nhất) nói chung đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Trong đó, doanh thu của PNJ tăng khá ấn tượng với con số 32,55% so với năm 2010, vượt so với kế hoạch tăng trưởng 15%. Xét riêng các chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu của từng hoạt động kinh doanh đều vượt mức kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua trong kỳ họp thường niên 2011, ngoại trừ chỉ tiêu xuất khẩu nữ trang chưa đạt kế hoạch (kế hoạch 30%, thực tế gần 21%). Ngoài ra, một vài chỉ tiêu doanh thu không dự báo như: Doanh thu vàng miếng nội địa, doanh thu vàng miếng xuất khẩu, doanh thu đồng hồ cũng tăng trưởng tốt, cụ thể: Doanh thu vàng miếng nội địa tăng 103,65%, Doanh thu đồng hồ tăng 239,22%,...

Lợi nhuận: Theo tính toán và trình bày ở trên, năm 2011, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của riêng PNJ tăng trưởng hơn 17% so với năm 2011 và lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất của PNJ và các công ty con tăng trưởng hơn 20%. Như vậy, các chỉ tiêu về lợi nhuận cũng đều vượt mức kế hoạch đề ra (15%).

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH THEO NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ TRONG NĂM 2011:

Trong năm 2011, PNJ cũng đã triển khai thực hiện đầy đủ với kết quả khá tốt một số kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 14 – năm 2011, gồm:

Triển khai thực hiện các Chương trình trọng tâm năm 2011 đã được ĐHĐCĐ thông qua trong cuộc họp thường niên 2011 do Hội đồng quản trị đề xuất theo văn bản số 457/KH-HĐQT-CTY ngày 08/04/2011.

Cơ cấu lại danh mục đầu tư:

- Đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô;
- Đã thanh lý khoản đầu tư tại công ty liên kết là Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na;
- Đang tiến hành các thủ tục thoái vốn tại Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2012.

3. TÌNH HÌNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ CÁC QUY ĐỊNH:

Đánh giá về mặt tuân thủ pháp luật và các quy định của PNJ trong năm 2011, Ban kiểm soát có ý kiến như sau: Hoạt động của PNJ tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan và các quy định tại Điều lệ Tổ chức và

Hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua và ban hành;

- PNJ cũng tuân thủ Quy chế quản trị công ty và các Quy chế hoạt động đã được ban hành;
- PNJ cũng đã chấp hành đúng chế độ hạch toán kế toán theo các quy định pháp lý hiện hành;
- PNJ cũng chấp hành đúng việc chế độ công bố thông tin của công ty đại chúng, đặc biệt là đối với công ty niêm yết theo các quy định của pháp luật.

3. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT & BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA PNJ NĂM 2011:

Qua nghiên cứu Báo cáo tài chính hợp nhất của PNJ và các công ty con (gọi tắt là Tập đoàn PNJ) & Báo cáo tài chính riêng của PNJ năm 2011 do Công ty TNHH KPMG (KPMG) kiểm toán và các hồ sơ có liên quan, Ban kiểm soát cũng thống nhất với số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn PNJ & Báo cáo tài chính riêng của PNJ năm 2011 đã kiểm toán. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát cũng đồng ý rằng các số liệu tài chính này có thể thay đổi theo quyết định phê duyệt quyết toán của cơ quan thuế.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn PNJ & Báo cáo tài chính riêng của PNJ năm 2011 đã kiểm toán, Ban kiểm soát đánh giá, nhận định chung về tình hình tài chính của cả Tập đoàn PNJ nói chung và PNJ nói riêng là lành mạnh, chi tiết như sau:

3.1. Về vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu của Tập đoàn PNJ vào thời điểm cuối 31/12/2011 là 1.130.451.377.433 đồng, tăng 7,98% chủ yếu do trích các Quỹ (Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2010; đồng thời lợi nhuận chưa phân phối tăng 37,16% từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011. Trong năm 2011, PNJ không phát hành tăng vốn nên vẫn giữ nguyên vốn điều lệ là 599.991.420.000 đồng và thặng dư vốn là 225.008.580.000 đồng.

3.2. Về tài sản:

Tổng tài sản của cả Tập đoàn PNJ tại thời điểm 31/12/2011 là 2.928.112.622.725 đồng tăng 18,83% so với thời điểm 31/12/2010, do một số nguyên nhân chính như sau:

- Tiền, các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 55,17%. Trong đó, có khoản mục Đầu tư ngắn hạn 70 tỷ đồng tiền gửi tại HSBC của PNJ là số tiền gửi tài khoản phong tỏa để hoàn tất thủ tục bán Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt theo Hợp đồng mua bán. Các khoản tương đương tiền tăng 29,73% chủ yếu là giá trị vàng miếng, vàng nguyên liệu tồn kho cuối năm tại PNJ.

- Các khoản phải thu tăng 23,09% so với cuối năm 2010, chủ yếu do tăng các khoản tiền bán vàng và khoản phải thu cổ tức Ngân hàng Đông Á của PNJ.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



- Hàng tồn kho chiếm trên 33% tổng tài sản vào thời điểm cuối năm 2011, tăng 28,89% so với đầu năm chủ yếu do tăng hàng hóa dự trữ để phục vụ nhu cầu mua sắm Tết và các ngày lễ đầu năm của PNJ và các công ty con. Đồng thời, giá vàng tăng cũng là một yếu tố làm tăng giá trị hàng tồn kho (đầu năm 2011 khoảng 36 triệu đồng/lượng, cuối năm 2011 khoảng 41 triệu đồng / lượng).
- Tài sản cố định (bao gồm Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang) so với thời điểm 31/12/2010 tăng 26,52% chủ yếu do phát sinh tại PNJ. Trong năm, PNJ đầu tư thêm nhà 174 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP.HCM, sửa chữa và đưa vào sử dụng nhà 123 Hùng Vương, Quận Hải Châu, Đà Nẵng; đầu tư thêm một số máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh,... Đồng thời, chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng thêm khoảng 19,5 tỷ gồm chi phí thiết kế, xây dựng nhà xưởng và hệ thống cửa hàng của PNJ.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Xét theo góc độ của Tập đoàn PNJ, đầu tư tài chính dài hạn giảm 4,94% do trong năm 2011 PNJ thực hiện mục tiêu đầu tư an toàn, không đầu tư thêm và chuyển nhượng lại một số khoản đầu tư.
- Xét riêng PNJ, đầu tư tài chính dài hạn giảm 4,56% so với thời điểm cuối năm 2010 chủ yếu do:
 - + Chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô trị giá 23 tỷ đồng.
 - + Thanh lý một công ty liên kết là Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na với giá trị thanh lý hơn 10,7 tỷ đồng, lãi hơn 2 tỷ đồng
 - + Trích bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn thêm hơn 23,3 tỷ đồng (Chi tiết sẽ trình bày ở Mục 3.4 Tình hình đầu tư bên dưới)
 - + Ngoài ra, PNJ góp vốn 10 tỷ để thành lập công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010.
- Tài sản dài hạn khác giảm 7,46% so với đầu năm 2011. Giá trị khoản mục này tương đương 191 tỷ đồng, chủ yếu là giá trị đầu tư vô bình gas (hạch toán ở Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn) của Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt.

3.3. Về nợ phải trả:

So với thời điểm đầu năm 2011, nợ phải trả của Tập đoàn PNJ tăng 27,54%, cụ thể do:

- Vay ngắn hạn giảm 36,39% do PNJ giảm vay ngắn hạn bằng vàng gần 600 tỷ đồng và tăng vay bằng USD khoảng 46 tỷ đồng; PNJ và các công ty con tăng vay VND khoảng 94 tỷ đồng.
- Nợ ngắn hạn khác tăng 28,11% chủ yếu là tăng một số khoản mục như: Phải trả người bán, Thuế và các khoản phải nộp khác, Phải trả người lao động,... trong điều kiện kinh doanh bình thường của PNJ và các công ty con.
- Nợ dài hạn tăng hơn 4,3 lần chủ yếu do PNJ tăng vay vàng dài hạn (thay cho vàng ngắn hạn vì quy định không còn cho phép vay vàng ngắn hạn theo Thông tư 11/2011/TT-NHNN). Cuối năm 2011, tỷ trọng Nợ dài hạn/

Tổng nguồn vốn của Tập đoàn PNJ tăng từ 6,1% lên 27,24%.

Nhìn chung, trong năm 2011, Tập đoàn PNJ nói chung và PNJ nói riêng vẫn tiếp tục sử dụng hiệu quả đòn bẩy nợ nhằm nâng cao lợi nhuận với tỷ trọng Nợ/ Tổng tài sản khoảng 60,48% đối với Tập đoàn PNJ và 60,05% đối với PNJ. Mặc dù các khoản vay bằng tiền (VND, USD) và vàng đều tăng nhưng theo đánh giá của Ban kiểm soát, PNJ vẫn thường xuyên cân đối các khoản vay để hạn chế rủi ro khi có sự biến động giá, đặc biệt, đối với khoản vay vàng, thì PNJ luôn cân đối giữa vàng vay và vàng tồn kho.

3.4. Tình hình đầu tư:

Như đã trình bày ở trên, trong năm 2011, PNJ thực hiện mục tiêu đầu tư an toàn và tái cơ cấu danh mục đầu tư vào một số công ty con, công ty liên kết... tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính. Chi tiết các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào thời điểm 31/12/2011 của PNJ như sau:

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



Khoản mục	Số cổ phần	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị đầu tư (đồng)	Giá đầu tư sổ sách (đồng/cp)
1. Đầu tư vào công ty con:			90.000.000.000	
Công ty CP Năng lượng Đại Việt	7.000.000	70%	70.000.000.000	10.000
Công ty TNHH MTV Thời trang CAO		100%	10.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Giám định PNJ		100%	10.000.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:			230.474.829.680	
Công ty CP Địa ốc Đông Á	9.186.630	30,62%	91.866.300.000	10.000
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn – SFC	5.134.708	49,99%	138.608.529.680	26.994
3. Đầu tư cổ phiếu:			462.989.058.400	
Ngân hàng TMCP Đông Á	34.646.625		356.775.363.400	10.296
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn M&C	2.615.215		65.380.375.000	25.000
Công ty CP Quê Hương Liberty ⁽¹⁾	916.662		42.499.920.000	46.364
4. Đầu tư khác			10.089.500.000	
Dự án Hoàng Minh Giám			10.089.500.000	
5. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			34.178.223.355	
5.1. Dự phòng trích trong năm 2008			10.800.000.000	
Công ty CP Quê Hương Liberty			10.800.000.000	
5.2. Dự phòng trích trong năm 2011			23.378.223.355	
Công ty CP Địa ốc Đông Á			11.030.454.153	
Ngân hàng TMCP Đông Á			10.324.694.250	
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn – SFC			2.023.074.952	
Tổng cộng			761.041.764.725	

Ghi chú:

(1): Trong năm 2011, 8.333 trái phiếu chuyển đổi Công ty CP Quê Hương Liberty trị giá 1.666.600.000 đồng đã được chuyển đổi thành cổ phiếu với số lượng tương ứng là 83.330 cổ phiếu, nâng tổng số lượng cổ phiếu Công ty CP Quê Hương Liberty PNJ sở hữu là 916.662 cổ phiếu với giá trị đầu tư tổng cộng là 42.499.920.000 đồng, giá cổ phiếu đầu tư bình quân là 46.364 đồng/ cổ phiếu.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



Giá sổ sách các khoản đầu tư sau khi trích lập dự phòng vào thời điểm 31/12/2011:

Khoản mục	Giá trị đầu tư	Giá trị đầu tư sau khi trích lập	Giá sổ sách sau khi trích lập (đồng/cp)
Công ty CP Quê Hương Liberty	42.499.920.000	30.033.320.000	34.582
Công ty CP Đá Ốc Đông Á	91.866.300.000	80.835.845.847	8.800
Ngân hàng TMCP Đông Á	356.775.363.400	346.450.669.150	10.000
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn – SF C	138.608.529.680	136.585.481.728	26.600

Theo đánh giá của Ban kiểm soát, các khoản đầu tư của PNJ hiện tại hầu hết an toàn, có giá trị đầu tư sổ sách bằng với mệnh giá hoặc thấp hơn giá thị trường vào thời điểm 31/12/2011, ngoại trừ các khoản đã trích lập dự phòng với mức giá tương đương giá đang giao dịch trên thị trường vào thời điểm 31/12/2011 như phân tích ở trên.

3.5. Đánh giá một số tỷ số tài chính (thời điểm 31/12/2011):

STT	Chỉ tiêu ⁽²⁾	Tập đoàn PNJ	PNJ
1	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	23,65 %	23,27 %
2	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	42,92 %	40,29 %
3	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	9,55 %	9,89 %
4	Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	1,43 %	1,40 %
5	Tỷ lệ lãi gộp / Doanh thu thuần	4,11 %	3,67 %
6	Vòng quay tổng tài sản	6,66 vòng	7,07 vòng
7	Vòng quay hàng tồn kho	20,88 vòng	20,80 vòng
8	Vòng quay Tài sản cố định	47,83 vòng	51,10 vòng
9	Kỳ thu tiền bình quân	1,30 ngày	1,18 ngày
10	Tổng nợ / Tổng tài sản	60,48 %	60,03 %
11	Khả năng thanh toán	1,65 lần	1,71 lần
12	Khả năng thanh toán nhanh ⁽³⁾	0,65 lần	0,65 lần

Ghi chú:

(2): Các chỉ tiêu được tính theo phương thức bình quân: (Số đầu kỳ + Số cuối kỳ)/2

(3): Tính trên cơ sở nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa là vàng, bạc, đá quý... được theo dõi dưới hình thức là hàng tồn kho theo đặc thù kinh doanh của ngành.

Nhìn chung, một số tỷ số đánh giá hiệu quả hoạt động và các chỉ số số tài chính của riêng PNJ và cả Tập đoàn PNJ năm 2011 đều thể hiện sự ổn định và tương đối an toàn trong hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



4. THẨM TRA VỀ VIỆC PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2011:

Theo Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2011 của HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ, Ban kiểm soát đánh giá phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 đảm bảo tuân thủ theo đúng Quy định của pháp luật và Điều lệ của PNJ và đảm bảo kế hoạch chia cổ tức năm 2011 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2011 thông qua là 25%. Cụ thể:

4.1 Chia cổ tức:

- Tạm ứng đợt 1 tỷ lệ là 10% tương ứng 59.998.433.000 đồng
(Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 842/2011/NQ-HĐQT-CTY ngày 04/07/2011)
- Tạm ứng đợt 2 tỷ lệ là 10% tương ứng 59.998.433.000 đồng
(Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 1854/2011/NQ-HĐQT-CTY ngày 19/12/2011)
- HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua mức chi cổ tức năm 2011 là 25%. Theo đó, PNJ sẽ chi tiếp cho các cổ đông cổ tức đợt 3 với tỷ lệ là 5%, tương ứng 29.999.216.500 đồng.

=> Tổng mức trích chi cổ tức là 25%, tương ứng 149.996.082.500 đồng

4.2 Trích lập các quỹ:

- | | |
|--|---------------------|
| a. Quỹ dự phòng tài chính
(5% Lợi nhuận sau thuế) | 12.085.000.000 đồng |
| b. Quỹ đầu tư phát triển | 45.000.000.000 đồng |
| c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho CBCNV
(10% Lợi nhuận sau thuế) | 24.170.000.000 đồng |
| d. Quỹ hoạt động của HĐQT – BKS | 1.200.000.000 đồng |
| e. Quỹ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc | 4.500.000.000 đồng |

4.3 Lợi nhuận để lại:

4.758.667.160 đồng

5. KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ:

Trong năm 2011, tình hình kinh tế vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn như giá vàng và ngoại tệ biến động mạnh, lãi suất tăng cao,... Những trở ngại này ảnh hưởng không nhỏ đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của PNJ và các công ty con. Mặc dù vậy, HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên PNJ và các công ty con đã có những nỗ lực rất lớn để đạt được các kết quả hoạt động kinh doanh vượt mức kế hoạch như phân tích, đánh giá nêu trên.

Bên cạnh đó, qua việc kiểm soát, đánh giá tình hình hoạt động về mọi mặt của PNJ và các công ty con, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc của PNJ như sau:

5.1 Kiến nghị với Hội đồng quản trị:

- Hiện nay, PNJ đang khai thác tốt hiệu quả đòn bẩy tài chính và vẫn kiểm soát được rủi ro. Tuy nhiên, HĐQT cũng sớm xây dựng kế hoạch huy động vốn phù hợp trình ĐHĐCĐ thông qua nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn vốn hoạt động, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững và lâu dài của PNJ.
- Kiến nghị HĐQT cân nhắc thêm về kế hoạch đầu tư Văn phòng Hội sở của PNJ tương ứng với tầm vóc, phù hợp với vị thế và nội lực của PNJ, xem như một điểm nhấn trong chiến lược xây dựng hình ảnh của PNJ.
- Hiện nay, PNJ tập trung vào hoạt động kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh vàng bạc, đá quý, trang sức – đây được xác định là năng lực lõi của PNJ, việc tái cơ cấu danh mục đầu tư và thoái vốn khỏi một số lĩnh vực không phải là thế mạnh, không có hiệu quả PNJ đã, đang và sẽ tiếp tục được thực hiện. Tuy nhiên, Ban kiểm soát cũng kiến nghị

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011



HĐQT đẩy nhanh tốc độ thoái vốn tại một số công ty đã được xác định sẽ thoái vốn để sớm thu hồi vốn. Bên cạnh đó, đối với những đơn vị tiềm năng mà PNJ có ý định đầu tư lâu dài, kiến nghị HĐQT chia sẻ năng lực quản trị để tiếp tục hỗ trợ các công ty này phát triển trong tương lai.

5.2 Kiến nghị với Ban Tổng Giám đốc:

- Kiến nghị Ban Tổng giám đốc sớm lựa chọn phương án phù hợp và xem xét mô hình hoạt động, kế hoạch phát triển Xí nghiệp Nữ trang nhằm khai thác hiệu quả ngay sau khi công trình xây dựng nhà xưởng hoàn thành và dời Xí nghiệp Nữ trang về trong năm 2012. Đồng thời, kiến nghị Ban Tổng Giám đốc PNJ xây dựng phương án khai thác hiệu quả mặt bằng trụ sở hiện tại sau khi dời Xí nghiệp Nữ trang về nhà xưởng mới.
- Hiện nay, PNJ thực hiện việc quản lý rủi ro mang tính khách quan và khá thành công. Tuy nhiên, kiến nghị Ban Tổng Giám đốc PNJ cần đầu tư hơn nữa cho việc phòng ngừa rủi ro (ngay cả với những rủi ro nội bộ).
- Trong những năm gần đây, PNJ đã mở rộng hoạt động trên nhiều lĩnh vực và cũng đã có nhiều chính sách để cải thiện và tăng cường công tác tổ chức, quản lý. Tuy nhiên, Ban kiểm soát kiến nghị Ban Tổng Giám đốc PNJ quan tâm hơn về chính sách nhân sự và chính sách thu nhập của người lao động nhằm tránh sự biến động về nhân lực. Đồng thời, tăng cường công tác đào tạo nhận thức cho người lao động; xây dựng đội ngũ làm công tác nhân sự chuyên nghiệp, chuẩn mực, có thể đáp ứng được những chiến lược về nhân sự của PNJ.
- Trong những năm vừa qua, PNJ tiếp tục đẩy mạnh và tập trung đầu tư cho hoạt động bán lẻ các sản phẩm trang sức và mang lại hiệu quả khá tốt; vì vậy, kiến nghị Ban Tổng Giám đốc tiếp tục nghiên cứu thị trường và mở rộng hệ thống mạng lưới kinh doanh.
- Hiện nay, PNJ đang thuê Đơn vị Tư vấn tái cấu trúc hoạt động của PNJ về mọi mặt, kiến nghị Ban Tổng Giám đốc PNJ thực hiện xem xét, đánh giá hiệu quả của việc tái cấu trúc theo từng giai đoạn để có thể điều chỉnh kịp thời mà không ảnh hưởng đến hoạt động của PNJ.
- PNJ đã tiếp tục triển khai dự án ERP (tên dự án là XMAN), dự án này đã đem lại hiệu quả tương đối ổn với hệ thống bán hàng và hiện nay PNJ đang tiếp tục thực hiện cho hệ thống sản xuất. Ban Kiểm soát đề xuất Ban Tổng Giám đốc đẩy nhanh hơn nữa tiến độ thực hiện, sớm đưa vào áp dụng để việc quản lý sản xuất được hiệu quả hơn.
- Ban Tổng giám đốc cần đẩy mạnh công tác tin học hóa phục vụ quản trị, điều hành hoạt động của PNJ và các công ty con thông qua việc khảo sát, đánh giá nhu cầu thực tiễn và đầu tư thêm các chương trình quản lý về kế toán, điều hành.

Trên đây là Báo cáo kiểm soát hoạt động PNJ năm 2011 của Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2012. Nhân đây, Ban Kiểm soát cũng xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các Bộ phận và Phòng ban của PNJ đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thuận lợi của mình trong thời gian vừa qua.

TM. Ban Kiểm Soát
Trưởng Ban

TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 5 NĂM CỦA CÔNG TY PNJ (2012 – 2017)



Trước những diễn biến phức tạp và ngày càng xuất hiện nhiều khó khăn của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, vào giữa năm 2011, Ban điều hành công ty đã tiến hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, tình hình nội lực của công ty; đồng thời tiến hành hội nghị toàn thể cấp lãnh đạo công ty từ đội ngũ quản lý cấp trung. Kết quả các cuộc phân tích và hội nghị đã chỉ ra rằng: để phát triển bền vững và hội nhập toàn cầu trong giai đoạn mới, PNJ cần phải có sự thay đổi mạnh mẽ về nhiều mặt, từ việc xác định lại tầm nhìn sứ mệnh đến chất lượng các giá trị cốt lõi làm nền tảng cho sự phát triển bền vững. Từ đó, đã hình thành nên kế hoạch thay đổi và chỉ ra tính cấp bách của sự thay đổi; đã tạo nên một nhận thức mới và khi thế mới trong toàn công ty.

TẦM NHÌN

Là Công ty chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu tại Châu Á, giữ vị trí số một trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ nhắm tới tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

PNJ mang lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng các sản phẩm trang sức tinh tế và chất lượng vượt trội.

MỤC TIÊU

Dẫn đầu về sản xuất và kinh doanh bán lẻ trang sức tại thị trường Việt Nam. Tăng gấp bốn lần doanh thu xuất khẩu trang sức vào cuối nhiệm kỳ. Đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu ngành trang sức 20%/năm. Lợi nhuận kinh doanh chính tăng 15%/năm.

Các giải pháp thực hiện:

- Nghiệm thu, tổ chức bộ máy và nhân sự để triển khai thực thi chiến lược được tư vấn chuyển giao. Tái cấu trúc cơ cấu tổ chức phù hợp với mục tiêu chiến lược. Xây dựng và thực thi chiến lược của từng phân hệ và từng mục tiêu rõ ràng theo từng năm.
- Bổ sung đủ nguồn nhân lực và nâng cao hơn nữa năng lực của nguồn nhân lực bằng các chương trình đào tạo cụ thể cũng như xây dựng các chính sách động viên để kích thích nguồn lực. Đầu tư nhân sự cho công tác sáng tạo và chiến lược sản phẩm. Tìm kiếm bổ sung nguồn lực cho đội ngũ thiết kế, có thể thuê nhân sự thiết kế nước ngoài. Tăng thu nhập của người lao động theo mặt bằng chung của xã hội và hiệu quả đạt được của công ty.
- Chuẩn hóa hệ thống quản trị theo chuẩn mực quốc tế bằng các hệ số đo lường cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động và quản lý. Xây dựng Phòng Nghiên cứu phát triển với trình độ chuyên nghiệp cao và mang tầm chiến lược.
- Lập bản đồ phân phối của ngành Kim hoàn Việt Nam cùng với chương trình nghiên cứu thu nhập và nhu cầu tiêu dùng của dân cư từng vùng, từng giai đoạn, làm cơ sở cho việc thiết lập và mở rộng hệ thống bán lẻ và kênh phân phối sỉ trong cả nước. Triển khai mở rộng kinh doanh đồng hồ và dòng hàng phụ kiện.
- Đưa xí nghiệp trang sức mới vào hoạt động với các hệ thống quy trình kỹ thuật và bố trí không gian sản xuất theo chuẩn quốc tế cùng với việc hoàn thiện các quy trình quản lý nhằm tăng năng suất lao động, tăng vòng quay vốn, giảm tỷ lệ hao hụt... để tăng sức cạnh tranh từ giá thành sản phẩm. Đầu tư và nâng cấp công nghệ, nâng cao tay nghề công nhân để tăng tỷ trọng sản xuất các mặt hàng có kỹ thuật và trình độ tay nghề cao.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 5 NĂM CỦA CÔNG TY PNJ (2012 – 2017)



- Xây dựng chiến lược marketing một cách sáng tạo và phù hợp cho từng dòng sản phẩm, có thể tìm kiếm ý tưởng sáng tạo từ tư vấn bên ngoài. Đầu tư cho công tác marketing xuất khẩu, chủ động phát triển thị trường, tập trung vào hai thị trường chính là Châu Âu và Mỹ, khai thác hết tiềm năng của khách hàng cũ.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo hệ thống hóa toàn bộ quy trình quản lý từ sản xuất đến kinh doanh, tài chính và các nghiệp vụ khác. Nghiệm thu đưa vào vận hành có hiệu quả hệ thống ERP, theo dõi và có kế hoạch nâng cấp kịp thời theo nhu cầu quản lý.

Hoạt động đầu tư và phát triển hệ thống:

- Tiếp tục đầu tư vào Ngân hàng Đông Á và DongA Land theo nhu cầu phát triển.
- Tìm cơ hội thoái vốn các khoản đầu tư khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả đầu tư.
- Tìm vị trí xây dựng trụ sở Công ty kết hợp với Trung tâm Kim hoàn có quy mô lớn.
- Đầu tư mở rộng dự án bán hàng phục vụ du lịch với quy mô lớn.
- Mở rộng quy mô hệ thống bán lẻ các nhãn hàng trên phạm vi cả nước. Tổng số cửa hàng đến cuối nhiệm kỳ tăng gấp hai lần với số lượng 300 cửa hàng.
- Cập nhật để đầu tư nâng cấp công nghệ mới theo trình độ phát triển của ngành Kim hoàn thế giới.
- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và chương trình phần mềm về quản lý.

NGHỊ ĐỊNH 24/CP VỀ QUẢN LÝ KINH DOANH VÀNG – KÍCH HOẠT HIỆU ỨNG TÍCH CỰC. (*)



Nghị định 24 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng mở ra cơ hội kinh doanh không chỉ cho các NHTM mà còn với các công ty kinh doanh vàng lớn, nhất là những công ty có mạng lưới bán lẻ rộng khắp cả nước. Xoay quanh vấn đề này, bà Cao Thị Ngọc Dung, Tổng giám đốc CTCP Vàng bạc Đá Quý Phú Nhuận (PNJ), cho biết:

Nghị định 24 tạo thuận lợi cho các công ty kinh doanh vàng lớn như PNJ. Hiện nay PNJ có mạng lưới bán lẻ trên 161 cửa hàng khắp cả nước, đáp ứng đủ điều kiện để NHNN cấp giấy phép kinh doanh vàng miếng. Hơn nữa, việc sản xuất nữ trang nước ta lâu nay không có tổ chức, ai muốn làm cũng được và không ai kiểm soát. Nay Nghị định 24 quy định việc sản xuất nữ trang đi vào nề nếp nên chất lượng được kiểm soát chặt chẽ hơn. Khi đó, những doanh nghiệp lớn có uy tín, thương hiệu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nữ trang như PNJ sẽ được hưởng lợi.

Bên cạnh đó, ngoài việc cấp quota nhập khẩu vàng cho doanh nghiệp sản xuất vàng miếng, Nghị định 24 còn khẳng định sẽ cấp quota nhập nguyên liệu vàng phục vụ sản xuất nữ trang, hoặc nhập nguyên liệu để tạm nhập tái xuất. Điều này rất thuận lợi cho hoạt động sản xuất nữ trang của PNJ.

PHÓNG VIÊN: Người dân nước ta có thói quen mua vàng miếng ở các tiệm vàng nhỏ lẻ, liệu thu hẹp các tiệm vàng có gây khó cho người dân và các tiệm vàng?

Bà CAO THỊ NGỌC DUNG: - Không có nước nào có nhiều tiệm vàng như nước ta. Tại nhiều nước trên thế giới, việc mua bán vàng miếng không dễ dàng, chỉ có ngân hàng mới được bán vàng miếng, trong khi nước ta việc mua bán vàng miếng bị phân tán, tạo bất lợi cho nền kinh tế. Vì vậy, Nghị định 24 ban hành, về mặt quản lý nhà nước là tích cực đối với nền kinh tế, còn từng doanh nghiệp, cá nhân cảm thấy “thiệt thòi” là điều không tránh khỏi. Bởi Nghị định 24 sắp xếp, thu hẹp hoạt động hàng chục ngàn điểm kinh doanh vàng (riêng TPHCM có trên 2.000 tiệm vàng), trong khi người dân thường có thói quen mua vàng ở những chỗ quen biết.

Vì vậy, thách thức đặt ra liệu chúng ta có đủ lực để kiểm soát việc mua bán vàng, hay trở lại một thị trường vàng “chui”, mua bán dầm dúi như trước đây. Vấn đề đặt ra là làm sao quản lý thị trường cho hiệu quả. Với thói quen của người dân, không loại trừ sẽ quay lại xu hướng phổ biến bán vàng nhẫn. Khi đó, trước nhu cầu thị trường đòi hỏi, các công ty kinh doanh vàng lớn có uy tín như PNJ phải linh động sản xuất loại vàng nhẫn có bảo chứng, đảm bảo người mua vàng nhẫn không phải lo ngại về chất lượng.

Việc NHNN yêu cầu việc ngưng sản xuất vàng miếng thương hiệu khác ngoài SJC có gây khó khăn cho các công ty sản xuất vàng miếng thương hiệu khác như PNJ? PNJ có đề xuất gì về lộ trình chuyển đổi sang vàng miếng SJC?

Nghị định 24 không phân biệt đối xử giữa vàng miếng SJC và các loại vàng miếng khác. Các loại vàng miếng, bao gồm cả vàng miếng SJC thuộc sở hữu hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được pháp luật công nhận và bảo vệ, được mua bán, trao đổi tại các tổ chức tín dụng và doanh nghiệp được NHNN cấp giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng.

Như vậy, Nghị định chỉ yêu cầu ngưng sản xuất vàng miếng thương hiệu khác SJC chứ không yêu cầu ngưng lưu thông vàng miếng thương hiệu khác. Vì thế người dân giữ vàng miếng thương hiệu khác SJC không bị thiệt hại gì.

Riêng đối với các đơn vị sản xuất vàng miếng thương hiệu khác, từ tháng 9-2011 NHNN đã có văn bản yêu cầu ngưng sản xuất và trong năm 2011 NHNN cũng đã hạn chế cấp quota sản xuất vàng miếng. Hiện tỷ lệ vàng “phi” SJC lưu thông trên thị trường không lớn, chỉ khoảng 9% thị phần; trong đó thương hiệu vàng khác SJC mà người dân còn giữ chủ yếu là PNJ và AAA, vì 2 thương hiệu này đã tồn tại từ năm 1990.

Vừa qua, NHNN đã cho một số NHTM trong nhóm G5+1 được hoán đổi một phần vàng miếng khác sang vàng SJC. Trong thời gian này, PNJ bán vàng miếng đến đâu mua lại của dân đến đó, sau đó chế biến thành vàng nữ trang, hoặc gửi qua DongA Bank để hoán đổi một phần tại NHNN.

NGHỊ ĐỊNH 24/CP VỀ QUẢN LÝ KINH DOANH VÀNG – KÍCH HOẠT HIỆU ỨNG TÍCH CỰC.



Sản xuất và kinh doanh vàng miếng “phi” SJC bị thu hẹp có ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của PNJ trong năm nay?

Năm ngoái mảng kinh doanh vàng miếng mang lại lợi nhuận khá lớn, lên đến hàng chục tỷ đồng cho PNJ. Nhưng PNJ hạch toán hoạt động kinh doanh vàng miếng là doanh thu bất thường, chứ không để vào danh mục doanh thu thường xuyên. PNJ quan tâm đến giá trị cốt lõi là sản xuất nữ trang và đưa giá trị bán buôn, bán lẻ nữ trang vào biểu đồ so sánh.

Còn hoạt động kinh doanh vàng miếng có thể kiếm lợi nhuận lớn khi có cơ hội thị trường, nhưng không ổn định vì chính sách có thể thay đổi. Vấn đề này chúng tôi đã xác định từ nhiều năm nay nên hiện nay hoạt động kinh doanh mang tính bền vững và ổn định vẫn là hoạt động sản xuất, mua bán nữ trang.

Từ năm 1992, PNJ đã đầu tư mạnh vào sản xuất nữ trang và hiện đang trong топ 16 doanh nghiệp lớn nhất thế giới về lĩnh vực này. PNJ sẽ tiếp tục đi theo hướng kinh doanh vàng nữ trang. Vì vậy, dù trong năm 2012 mảng kinh doanh vàng miếng bị thu hẹp, PNJ vẫn đặt ra kế hoạch tăng lợi nhuận 5%.

Xin cảm ơn bà.

Note: Giải pháp nấu vàng miếng làm ra vàng nữ trang sẽ khiến doanh nghiệp thiệt hại. Vàng nữ trang với vàng miếng chất lượng cách xa nhau, chỉ cần vàng 95% là có thể pha chế sản xuất nữ trang được rồi. Theo tôi, giải pháp hiện nay NHNN có thể làm là cho hoán đổi dần dần các thương hiệu vàng miếng khác sang vàng SJC. Tuy nhiên điều này cũng không dễ dàng vì chỉ có các NHTM mới có lượng vàng tồn kho nhiều, còn các doanh nghiệp khó huy động một lượng vàng lớn để hoán đổi bởi nguyên tắc của các doanh nghiệp kinh doanh vàng là vòng quay vốn nhanh, mua bán vàng ngày nào giải quyết ngày đó, nên không tồn nhiều vàng để thực hiện hoán đổi.

() Bài trả lời phỏng vấn về Nghị Định 24/CP, quản lý hoạt động kinh doanh vàng của bà Cao Thị Ngọc Dung, Tổng Giám Đốc PNJ trên báo Sài Gòn Đầu Tư Tài Chính*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0300521758

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận điều chỉnh cấp ngày 16 tháng 2 năm 2011.

Hội đồng Quản trị

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Ông Nguyễn Vũ Phan
Bà Nguyễn Thị Cúc
Bà Nguyễn Thị Ngọc
Ông Bùi Việt

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Cao Thị Ngọc Dung
Bà Nguyễn Thị Cúc
Ông Nguyễn Vũ Phan
Ông Lê Hữu Hạnh
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

170E Phan Đăng Lưu Quận Phú Nhuận Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		1.605.037.461.093	1.176.638.742.453	1.525.468.236.091	1.091.212.414.489
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	454.113.948.194	337.769.093.757	426.301.733.402	317.023.440.697
Tiền	111		82.732.710.340	51.495.543.237	54.920.495.548	30.749.890.177
Các khoản tương đương tiền	112		371.381.237.854	286.273.550.520	371.381.237.854	286.273.550.520
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	5	70.000.000.000	-	70.000.000.000	-
Các khoản phải thu	130	6	70.871.461.230	57.575.438.981	69.401.669.366	41.956.414.537
Phải thu khách hàng	131		39.634.363.771	28.962.855.812	32.864.176.721	16.029.437.397
Trả trước cho người bán	132		9.061.955.750	14.165.423.476	8.425.651.835	11.348.628.701
Các khoản phải thu khác	135		22.790.855.759	16.058.429.474	28.111.840.810	16.174.833.370
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(615.714.050)	(1.611.269.781)	-	(1.596.484.931)
Hàng tồn kho	140	7	968.915.039.630	751.709.044.884	941.077.879.031	718.714.872.670
Tài sản ngắn hạn khác	150		41.137.012.039	29.585.164.831	18.686.954.292	13.517.686.585
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.780.523.529	12.765.289.565	9.774.375.599	6.587.463.910
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.626.013.421	7.933.589.620	-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		1.037.353.890	576.939.248	26.603.715	115.590.835
Tài sản ngắn hạn khác	158		15.693.121.199	8.309.346.398	8.885.974.978	6.814.631.840

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản dài hạn	200		1.323.075.161.632	1.287.569.967.482	1.159.064.312.972	1.110.647.819.291
Tài sản cố định	220		419.577.684.256	331.638.373.756	381.763.700.152	293.887.652.439
Tài sản cố định hữu hình	221	8	114.426.075.356	96.848.837.225	76.788.364.713	59.355.070.397
Nguyên giá	222		201.160.654.826	170.255.698.399	140.747.344.350	114.459.921.911
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(86.734.579.470)	(73.406.861.174)	(63.958.979.637)	(55.104.851.514)
Tài sản cố định vô hình	227	9	279.199.924.767	193.164.202.785	279.023.651.306	192.907.248.296
Nguyên giá	228		279.869.348.563	193.653.741.363	279.492.351.451	193.276.744.251
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(669.423.796)	(489.538.578)	(468.700.145)	(369.495.955)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	25.951.684.133	41.625.333.746	25.951.684.133	41.625.333.746
Các khoản đầu tư dài hạn	250	11	712.435.781.858	749.471.560.231	761.041.764.725	797.419.988.080
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	90.000.000.000	80.000.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		258.315.155.708	261.453.501.831	230.474.829.680	230.474.829.680
Đầu tư dài hạn khác	258		475.245.158.400	498.818.058.400	474.745.158.400	497.745.158.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(21.124.532.250)	(10.800.000.000)	(34.178.223.355)	(10.800.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		191.061.695.518	206.460.033.495	16.258.848.095	19.340.178.772
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	188.628.499.090	204.184.834.997	15.449.325.434	18.530.656.111
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	919.152.184	835.847.692	809.522.661	809.522.661
Tài sản dài hạn khác	244		1.514.044.244	1.439.350.806	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.928.112.622.725	2.464.208.709.935	2.684.532.549.063	2.201.860.233.780

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này





BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.771.024.241.138	1.388.651.100.968	1.611.470.039.512	1.197.190.189.172
Nợ ngắn hạn	310		973.411.782.490	1.238.244.894.919	892.489.131.205	1.134.079.358.588
Vay ngắn hạn	311	15	604.356.835.868	950.160.880.361	573.639.973.212	932.754.017.705
Phải trả người bán	312		123.648.989.802	126.195.900.645	73.192.057.333	40.114.973.072
Người mua trả tiền trước	313		10.271.763.272	7.499.868.870	7.322.532.478	6.336.897.626
Thuế phải nộp Nhà nước	314	16	29.561.163.550	18.554.741.321	29.091.016.680	18.300.841.546
Phải trả người lao động	315		46.402.734.297	26.829.448.932	43.550.769.450	25.834.751.274
Chi phí phải trả	316	17	8.431.746.109	9.974.319.640	8.198.711.109	9.974.319.640
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	133.760.429.404	85.484.874.814	140.528.982.962	87.477.958.485
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	16.978.120.188	13.544.860.336	16.965.087.981	13.285.599.240
Nợ dài hạn	330		797.612.458.648	150.406.206.049	718.980.908.307	63.110.830.584
Phải trả dài hạn khác	333		62.532.121.564	66.789.066.688	426.284.500	426.284.500
Vay dài hạn	334	20	730.658.754.727	80.143.593.277	714.133.041.450	59.211.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	4.421.582.357	3.473.546.084	4.421.582.357	3.473.546.084

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
 Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.130.451.377.433	1.046.885.979.792	1.073.062.509.551	1.004.670.044.608
Vốn chủ sở hữu	410		1.130.451.377.433	1.046.885.979.792	1.073.062.509.551	1.004.670.044.608
Vốn cổ phần	411	22	599.991.420.000	599.991.420.000	599.991.420.000	599.991.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	225.008.580.000	225.008.580.000	225.008.580.000	225.008.580.000
Cổ phiếu quỹ	414	22	(7.090.000)	(7.090.000)	(7.090.000)	(7.090.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		72.461.168.576	52.461.168.576	51.070.897.000	31.070.897.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		35.866.235.360	25.704.156.577	34.291.732.783	24.129.654.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		197.131.063.497	143.727.744.639	162.706.969.768	124.476.583.608
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	23	26.637.004.154	28.671.629.175	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.928.112.622.725	2.464.208.709.935	2.684.532.549.063	2.201.860.233.780

Người lập:



Đặng Thị Lại
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	24	18.038.055.458.855	13.798.302.596.222	17.335.035.111.824	13.077.790.334.837
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	(74.214.987.083)	(45.921.930.526)	(71.374.181.860)	(43.326.504.617)
Doanh thu thuần	10		17.963.840.471.772	13.752.380.665.696	17.263.660.929.964	13.034.463.830.220
Giá vốn hàng bán	11	25	(17.225.520.872.828)	(13.210.528.300.660)	(16.629.765.167.821)	(12.582.230.280.410)
Lợi nhuận gộp	20		738.319.598.944	541.852.365.036	633.895.762.143	452.233.549.810
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	64.754.928.074	64.650.321.180	74.341.827.304	77.904.594.375
Chi phí tài chính	22	27	(64.754.928.074)	(60.390.301.471)	(128.762.455.803)	(55.410.407.231)
Chi phí bán hàng	24		(289.530.963.640)	(243.304.931.356)	(211.585.653.511)	(166.504.109.176)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(98.126.294.532)	(79.166.636.200)	(76.906.220.791)	(60.118.489.521)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		289.882.576.295	223.640.817.189	290.983.259.342	248.105.138.257
Kết quả từ các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	28	19.224.929.719	30.711.526.150	12.066.560.565	21.569.250.516
Chi phí khác	32	29	(1.607.851.780)	(11.902.840.151)	(976.945.616)	(11.756.140.090)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	40	10	10.666.239.207	21.442.711.729		

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	50		318.165.893.441	263.892.214.917	302.072.874.291	257.918.248.683
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	(60.742.590.596)	(51.946.709.715)	(60.363.124.631)	(51.363.036.090)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	83.304.492	(604.159.979)	-	-
Lợi nhuận thuần	60		257.506.607.337	211.341.345.223	241.709.749.660	206.555.212.593
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61	23	401.324.979	(676.831.791)	-	-
Chú sở hữu của Công ty	62		257.105.282.358	212.018.177.014	241.709.749.660	206.555.212.593
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	4.285	3.533	4.029	3.443

Người lập:

Người duyệt:

Đặng Thị Lài
 Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tập đoàn	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.698.926.954	25.704.156.577	52.345.167.808	955.741.161.339
Phát hành cổ phiếu thường	199.992.210.000	(199.992.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	212.018.177.014	212.018.177.014
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	130.509.333	(75.216.879)	55.292.454
Cổ tức	-	-	-	-	-	(119.996.866.000)	(119.996.866.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(563.517.304)	(563.517.304)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(237.758.378)	(130.509.333)	-	(368.267.711)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	143.727.744.639	1.046.885.979.792

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
 Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	143.727.744.639	1.046.885.979.792
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	257.105.282.358	257.105.282.358
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.000.000.000	10.327.760.000	(30.327.760.000)	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(149.996.082.500)	(149.996.082.500)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(165.681.217)	-	(165.681.217)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(23.378.121.000)	(23.378.121.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	72.461.168.576	35.866.235.360	197.131.063.497	1.130.451.377.433

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Lợi nhuận chưa	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	phân phối	VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	37.918.237.015	918.111.698.015
Phát hành cổ phiếu thường	199.992.210.000	(199.992.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	206.555.212.593	206.555.212.593
Cổ tức	-	-	-	-	-	(119.996.866.000)	(119.996.866.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	124.476.583.608	1.004.670.044.608

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty	Vốn cổ phần VND	Tăng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	37.918.237.015	918.111.698.015
Phát hành cổ phiếu thường	199.992.210.000	(199.992.210.000)	-	-	-	206.555.212.593	206.555.212.593
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	(119.996.866.000)	(119.996.866.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	124.476.583.608	1.004.670.044.608

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã Thuyết số minh	Tập đoàn		Công ty	
		2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ H OẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	318.165.893.441	263.892.214.917	302.072.874.291	257.918.248.683
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao và phân bổ	02	42.308.214.488	43.922.848.994	17.182.301.892	15.208.211.655
Các khoản dự phòng	03	12.113.142.484	57.814.791	24.565.904.389	23.190.188
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	85.681.898.050	-	85.681.898.050	-
(Lãi)/ổ từ thanh lý tài sản cố định	05	(427.282.948)	(2.544.166.131)	146.629.923	(2.544.166.131)
Lỗi từ xóa sổ tài sản cố định	05	431.215.096	-	8.816.978	-
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con	05	-	-	4.734.330.673	(2.281.408.704)
Lãi từ thanh lý công ty con và/hoặc công ty liên kết	05	(2.055.522.670)	(3.229.607.274)	-	(3.458.000.000)
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05	(55.925.420.302)	(41.503.821.527)	(67.661.833.499)	(55.962.749.172)
Lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	05	(307.107.617)	(15.125.454.250)	(307.107.617)	(15.125.454.250)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05	(10.666.239.207)	(21.442.711.729)	-	-
Chi phí lãi vay	06	103.995.485.100	58.801.093.754	95.273.068.280	53.623.329.476
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	493.314.275.915	282.828.211.545	461.696.883.360	247.401.201.745
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(11.140.015.759)	53.293.918.839	(18.755.872.536)	61.039.332.936
Biến động hàng tồn kho	10	(217.205.994.746)	(261.578.272.583)	(222.363.006.361)	(241.675.215.458)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	76.167.135.915	62.077.903.873	110.815.150.821	2.118.611.364
		341.135.401.325	136.621.761.674	331.393.155.284	68.883.930.587

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Tiền lãi vay đã trả	13		(103.861.814.898)	(58.319.330.507)	(95.139.398.078)	(54.105.092.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(65.658.313.770)	(51.918.613.481)	(64.754.021.469)	(42.347.212.409)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(17.387.942.365)	(23.312.694.402)	(17.141.713.476)	(21.361.462.177)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		154.227.330.292	3.071.123.284	154.358.022.261	(48.929.836.722)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ H OẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(115.655.063.956)	(112.361.991.985)	(104.069.526.103)	(66.263.175.739)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		959.942.727	13.571.368.595	211.411.818	13.571.368.595
Chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(217.110.697.000)	(8.274.351.544)	(222.337.797.000)
Chi đầu tư vào tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn	25		(70.000.000.000)	-	(70.000.000.000)	-
Thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		34.298.300.000	29.675.000.000	23.000.000.000	29.675.000.000
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		47.201.478.302	51.388.081.132	53.803.183.499	55.962.749.172
Thu từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	27		307.107.617	15.125.454.250	307.107.617	15.125.454.250
Thu từ thanh lý đầu tư vào công ty con và đầu tư dài hạn khác			-	16.390.530.450	-	20.748.000.000
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(102.888.235.310)	(203.322.254.558)	(105.022.174.713)	(153.518.400.722)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		8.767.143.927.774	6.599.955.894.699	8.703.343.927.774	6.515.652.194.699
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(8.551.891.484.141)	(6.254.018.176.391)	(8.496.994.604.141)	-
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(3.839.805.702)	(2.167.099.298)	-	(6.160.235.898.208)
Tiền chi trả cổ tức	36		(150.183.653.750)	(80.716.342.550)	(150.183.653.750)	(80.716.342.550)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		61.228.984.181	263.054.276.460	56.165.669.883	274.699.953.941
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		112.568.079.163	62.803.145.186	105.501.517.431	72.251.716.497
Tiền và các khoản tươn g đương tiền đầu năm	60	4	337.769.093.757	274.965.948.571	317.023.440.697	244.771.724.200
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		3.776.775.274	-	3.776.775.274	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	454.113.948.194	337.769.093.757	426.301.733.402	317.023.440.697

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chọn năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỰ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

G	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
C	-	-	1.725.648.456	-
ợn đầu tư bà				
ại sản cố định hữu hình				

Người lập:

Đặng Thị Lài
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối; thăm dò và khai thác vàng, bạc, đá quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có 2.745 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.340 nhân viên); Công ty có 2.393 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.045 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương



lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn và Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Tập đoàn và Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính (“Thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Tập đoàn và Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không phải trình bày các số liệu so sánh do phương pháp áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm vàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa 3 – 25 năm
- Máy móc và thiết bị 3 – 15 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 8 năm
- Phương tiện vận chuyển 4 – 10 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.



(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bình khí đốt

Bình khí đốt được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Chi phí thuê nhà trả trước

Chi phí thuê nhà trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê từ 1 đến 5 năm.

(iii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm thiết bị văn phòng không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo qui định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VND. Thiết bị văn phòng này được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn và Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn và Công ty. Các khoản chi từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(p) Nợ dài hạn khác

Nợ dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ cho bình khí đốt. Các khoản ký quỹ bình khí đốt này được phản ánh theo giá trị ký quỹ gốc trừ cho phí sử dụng bình của bên ký quỹ. Phí sử dụng hàng năm (tức khoản ghi có vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) tương đương với khoản khấu hao của bình khí đốt.



(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp vào việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi vốn cổ phần được ghi nhận là vốn sở hữu được mua lại, thì khoản đối ứng đã trả, bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp, sau thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu. Cổ phần mua lại được phân loại vào cổ phiếu quỹ và được trình bày như một khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu.

(s) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(t) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.



(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

(y) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

(z) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Dịch vụ kiểm định		Thủy hải sản		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bộ phận	17.418.524.647,613	13.147.992.146,870	648.879.459,187	568.865.576,963	5.592.460,251	-	-	109.656.282,076	(34.941.108,196)	(28.211.409,687)	18.038.055.458,855	13.798.302.596,222
Các khoản giảm trừ doanh thu bộ phận	(45.878.677,653)	(45.125,502)	-	-	-	-	(43.252,873)	-	-	(74.214,987,083)	(45.921.193,052)	(45.921.193,052)
Giá vốn hàng bán bộ phận	(16.683.823.449,026)	(12.626.261.623,245)	(573.461.320,575)	(518.494.131,667)	(2.738.693,331)	-	-	(93.450.853,197)	34.502.590,104	27.678.307,449	(17.225.520.872,82)	(13.210.528.300,660)
Lợi nhuận gộp bộ phận	660.531.337,006	475.851.845,972	75.373.013,110	50.371.445,296	2.853.766,920	-	-	16.162.176,006	(438.518,092)	(533.102,238)	738.319.598,944	541.852.365,036
Kết quả bộ phận kinh doanh	357.215.237,620	237.532.916,491	106.568.533,304	(1.716.818,714)	740.545,754	-	-	2.059.544,048	(333.217,967)	313.841,654	368.279.418,711	238.189.483,479
Doanh thu không phân bổ											64.754,928,074	64.650,321,180
Chi phí không phân bổ											(125.534,692,551)	(60.390,301,471)
Mua sắm tài sản dài hạn	105.030.580,953	66.296.692,603	10.405.784,064	44.093.682,136	1.944.347,395	-	-	556.266,440	(1.725.648,456)	(574.623,277)	115.655.063,956	110.372.017,902
Khấu hao	11.557.577,877	11.207.655,754	3.974.155,405	2.930.297,007	529.847,046	-	-	2.166.956,165	-	-	16.061.580,328	16.304.908,926
Phân bổ	5.693.878,386	4.016.841,586	25.392.386,572	25.468.941,242	-	-	413.565,944	(4.839.630,798)	(2.281.408,704)	26.246.654,160	27.617.940,068	



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính chonăm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Tang sức		Gas và vỏ bình gas		Dịch vụ kiểm định		Hợp nhất	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản của bộ phận	1.935.960.419.326	1.424.621.498.549	275.759.991.928	290.115.651.155	3.956.429.613	-	2.215.676.840.867	1.714.737.149.704
Tài sản không phân bổ	711.935.781.858	740.695.621.622	500.000.000	8.775.938.609	-	-	712.435.781.858	749.471.560.231
	<u>2.928.112.622.725</u>	<u>2.464.208.709.935</u>						
Nợ phải trả của bộ phận	(1.605.350.918.502)	(1.203.182.553.392)	(164.375.607.385)	(185.468.54576)	(1.297.715.251)	-	(1.771.024.241.138)	(1.388.651.100.968)



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	32.008.316.053	24.607.085.313	28.661.384.977	22.950.658.818
Tiền gửi ngân hàng	50.516.469.287	26.657.052.846	26.051.185.571	7.567.826.281
Tiền đang chuyển	207.925.000	231.405.078	207.925.000	231.405.078
Các khoản tương đương tiền	371.381.237.854	286.273.550.520	371.381.237.854	286.273.550.520
	<u>454.113.948.194</u>	<u>337.769.093.757</u>	<u>426.301.733.402</u>	<u>317.023.440.697</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm số ngoại tệ khác VND tương đương 741 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 358 triệu VND); tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm số ngoại tệ khác VND tương đương 722 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 341 triệu VND).

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm kể từ ngày giao dịch. Khoản tiền này được gửi tại ngân hàng như một khoản bảo lãnh cho việc chuyển nhượng cổ phần của một công ty con cho người mua (Thuyết minh số 11). Khoản tiền gửi này được hưởng lãi năm là 13,5% trong năm.

6. Các khoản phải thu

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu các bên liên quan sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Thương mại	-	-	12.475.994.447	6.518.885.301
Phi thương mại	-	1.500.000.000	5.408.854.000	5.300.000.000

Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	5.088.237.418	-	5.088.237.418
Cho công ty con vay	-	-	5.408.854.000	3.800.000.000
Cho công ty liên kết vay	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải thu từ dịch vụ cầm đồ	3.364.400.000	1.974.100.000	3.364.400.000	1.974.100.000
Phải thu cổ tức	13.858.650.000	-	13.858.650.000	-
Các khoản phải thu khác	5.567.805.759	7.496.092.056	5.479.936.810	3.812.495.952
	22.790.855.759	16.058.429.474	28.111.840.810	16.174.833.370

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	1.611.269.781	1.573.294.743	1.596.484.931	1.573.294.743
Tăng dự phòng trong năm	600.929.200	37.975.038	-	23.190.188
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.596.484.931)	-	(1.596.484.931)	-
Số dư cuối năm	615.714.050	1.611.269.781	-	1.596.484.931

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Tập đoàn được giao dịch bằng tiền mặt, mà không có rủi ro tín dụng. Đối với doanh thu trả chậm, để đối phó với rủi ro này, Ban Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn thiết lập chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi các công ty trong Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Các khoản phải thu đáo hạn trong vòng từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn.



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng trình bày ở trên, không có khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2011	
	Tập đoàn VND	Công ty VND
Trong hạn	57.026.418.522	60.929.817.531
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	3.240.557.471	18.500.000
Quá hạn từ 31 – 90 ngày	2.158.243.537	27.700.000
	<u>62.425.219.530</u>	<u>60.976.017.531</u>

7. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	5.302.486.721	365.167.709	1.115.810.406	365.167.709
Nguyên vật liệu	14.259.449.585	8.788.552.862	14.259.449.585	8.788.552.862
Công cụ và dụng cụ	8.424.569.033	7.484.186.818	8.134.308.015	7.474.954.137
Sản phẩm dở dang	5.240.245.599	5.885.590.856	5.240.245.599	5.885.590.856
Thành phẩm	62.759.983.676	30.967.036.089	62.759.983.676	30.967.036.089
Hàng hóa	826.969.663.077	653.715.317.110	805.306.432.556	620.760.507.486
Hàng gửi đi bán	45.958.641.939	44.503.193.440	44.261.649.194	44.473.063.531
	<u>968.915.039.630</u>	<u>751.709.044.884</u>	<u>941.077.879.031</u>	<u>718.714.872.670</u>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa VND	Máy móc và Thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	54.506.823.828	83.282.042.611	10.919.813.953	21.547.018.007	170.255.698.399
Tăng trong năm	3.469.907.273	10.320.084.231	3.120.952.425	13.749.500	16.924.693.429
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.677.999.903	-	-	-	17.677.999.903
Thanh lý	(781.949.655)	(1.188.071.806)	(279.891.948)	(181.815.000)	(2.431.728.409)
Xóa sổ	(1.134.006.714)	(132.001.782)	-	-	(1.266.008.496)
Số dư cuối năm	73.738.774.635	92.282.053.254	13.760.874.430	21.378.952.507	201.160.654.826
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.908.845.591	44.668.324.529	7.778.112.600	11.051.578.454	73.406.861.174
Khấu hao trong năm	2.999.431.960	10.090.521.263	1.268.881.440	1.702.745.663	16.061.580.326
Thanh lý	(536.824.124)	(920.148.339)	(262.644.156)	(179.452.011)	(1.899.068.630)
Xóa sổ	(711.608.596)	(123.184.804)	-	-	(834.793.400)
Số dư cuối năm	11.659.844.831	53.715.512.649	8.784.349.884	12.574.872.106	86.734.579.470
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	62.078.929.804	38.566.540.605	4.976.524.546	8.804.080.401	114.426.075.356
Số dư đầu năm	44.597.978.237	38.613.718.082	3.141.701.353	10.495.439.553	96.848.837.225

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản có nguyên giá 29.321 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 27.558 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 38.310 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 31.255 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	31.455.616.718	64.296.522.771	10.676.580.090	8.031.202.332	114.459.921.911
Tăng trong năm	205.000.000	10.298.523.777	2.861.033.486	13.749.500	13.378.306.763
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	17.677.999.903	-	-	-	17.677.999.903
Thanh lý	(764.409.972)	(467.791.464)	(279.891.948)	(181.815.000)	(1.693.908.384)
Xóa sổ	-	(132.001.782)	-	-	(132.001.782)
Góp vốn đầu tư bằng tài sản	-	(1.117.892.171)	(1.825.081.890)	-	(2.942.974.061)
Số dư cuối năm	48.574.206.649	72.877.361.131	11.432.639.738	7.863.136.832	140.747.344.350
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.182.370.524	39.164.288.586	7.637.253.815	4.120.938.589	55.104.851.514
Khấu hao trong năm	1.760.005.992	8.152.699.153	904.886.057	712.913.973	11.530.505.175
Thanh lý	(519.284.441)	(374.486.035)	(262.644.156)	(179.452.011)	(1.335.866.643)
Xóa sổ	-	(123.184.804)	-	-	(123.184.804)
Góp vốn đầu tư bằng tài sản	-	(560.887.143)	(656.438.462)	-	(1.217.325.605)
Số dư cuối năm	5.423.092.075	46.258.429.757	7.623.057.254	4.654.400.551	63.958.979.637
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	43.151.114.574	26.618.931.374	3.809.582.484	3.208.736.281	76.788.364.713
Số dư đầu năm	27.273.246.194	25.132.234.185	3.039.326.275	3.910.263.743	59.355.070.397

Bao gồm t trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản có nguyên giá 28.676 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 26.851 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 19.226 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 11.419 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	192.784.772.638	868.968.725	193.653.741.363
Tăng trong năm	61.100.000.000	-	61.100.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.115.607.200	-	25.115.607.200
Số dư cuối năm	279.000.379.838	868.968.725	279.869.348.563
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	489.538.578	489.538.578
Khấu hao trong năm	-	179.885.218	179.885.218
Số dư cuối năm	-	669.423.796	669.423.796
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	279.000.379.838	199.544.929	279.199.924.767
Số dư đầu năm	192.784.772.638	379.430.147	193.164.202.785

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	192.784.772.638	491.971.613	193.276.744.251
Tăng trong năm	61.100.000.000	-	61.100.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.115.607.200	-	25.115.607.200
Số dư cuối năm	279.000.379.838	491.971.613	279.492.351.451
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	369.495.955	369.495.955
Khấu hao trong năm	-	99.204.190	99.204.190
Số dư cuối năm	-	468.700.145	468.700.145
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	279.000.379.838	23.271.468	279.023.651.306
Số dư đầu năm	192.784.772.638	122.475.658	192.907.248.296

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản với nguyên giá 240 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: Không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 191.907 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 106.543 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	192.784.772.638	491.971.613	193.276.744.251
Tăng trong năm	61.100.000.000	-	61.100.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.115.607.200	-	25.115.607.200
<hr/>			
Số dư cuối năm	279.000.379.838	491.971.613	279.492.351.451
<hr/>			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	369.495.955	369.495.955
Khấu hao trong năm	-	99.204.190	99.204.190
<hr/>			
Số dư cuối năm	-	468.700.145	468.700.145
<hr/>			
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	279.000.379.838	23.271.468	279.023.651.306
Số dư đầu năm	192.784.772.638	122.475.658	192.907.248.296
<hr/> <hr/>			

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có các tài sản với nguyên giá 240 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2010: Không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 191.907 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 106.543 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	41.625.333.746	50.077.411.701	41.625.333.746	9.422.893.409
Tăng trong năm	27.119.957.490	46.198.863.178	27.119.957.490	43.724.008.757
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.677.999.903)	(29.076.755.105)	(17.677.999.903)	(9.090.893.409)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(25.115.607.200)	-	(25.115.607.200)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(25.574.186.028)	-	(2.430.675.011)
Số dư cuối năm	25.951.684.133	41.625.333.746	25.951.684.133	41.625.333.746

11. Đầu tư dài hạn

	Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vốn dài hạn tại các công ty con:		
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt ("Đại Việt") (a)	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty TNHH Thời trang CAO ("CAO") (b)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Giám định PNJ ("PNJL") (c)	10.000.000.000	-
	90.000.000.000	80.000.000.000

- a. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 70% vốn cổ phần của Đại Việt, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Đại Việt là mua bán gas, bếp gas và phụ tùng máy móc, thiết bị, vật tư ngành dầu khí, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, mua bán dầu, mỡ bôi trơn, dầu nhớt và các sản phẩm hóa dầu.

Tại ngày 21 tháng 12 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam để thanh lý toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt với giá bán là 122.500 triệu VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã nhận khoản ký quỹ 52.500 triệu VND từ Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam, tuy nhiên cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, giao dịch này vẫn chưa hoàn tất.

- b. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 100% vốn góp của CAO, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của CAO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang như va li, túi xách, ví, giày, quần áo nội địa và nước hoa, đồng hồ, mắt kính, sản xuất và kinh doanh trang sức vàng và bạc; kinh doanh hàng lưu niệm, các sản phẩm đan len, nghệ thuật, các sản phẩm thủ công; nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

- c. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 100% vốn góp của PNJL, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của PNJL là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc, đá quý, kim loại quý; mua bán máy móc và thiết bị giám định.

Biến động đầu tư tại các công ty con trong năm như sau:

	Công ty	
	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	80.000.000.000	90.990.000.000
Đầu tư tăng trong năm	10.000.000.000	6.300.000.000
Đầu tư thanh lý trong năm	-	(17.290.000.000)
Số dư cuối năm	90.000.000.000	80.000.000.000

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vốn dài hạn tại các công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á ("Địa ốc Đông Á") (d)	84.424.982.441	89.039.291.026	91.866.300.000	91.866.300.000
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("Nhiên liệu Sài Gòn") (e)	173.890.173.267	164.711.172.196	138.608.529.680	138.608.529.680
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina ("Hong Vina")	-	7.703.038.609	-	-
	258.315.155.708	261.453.501.831	230.474.829.680	230.474.829.680

- d. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 30,62% vốn cổ phần của Địa ốc Đông Á, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Địa ốc Đông Á là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn bất động sản và đại lý bất động sản; kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

- e. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 49,99% vốn cổ phần của Nhiên liệu Sài Gòn, một công ty niêm yết được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Nhiên liệu Sài Gòn là kinh doanh các sản phẩm dầu và gas; kinh doanh các công cụ, dụng cụ và máy móc dùng dầu và gas, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bằng gỗ, dịch vụ vận chuyển, cho thuê và tư vấn xây dựng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau :

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	261.453.501.831	129.730.479.430	230.474.829.680	110.884.882.680
Góp vốn	-	119.589.947.000	-	119.589.947.000
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	10.666.239.207	22.017.335.006	-	-
Cổ tức nhận được trong năm	(5.134.708.000)	(9.884.259.605)	-	-
Giảm từ thanh lý hoạt động kinh doanh	(8.669.877.330)	-	-	-
Số dư cuối năm	258.315.155.708	261.453.501.831	230.474.829.680	230.474.829.680

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư dài hạn khác vào:				
Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á	356.775.363.400	356.775.363.400	356.775.363.400	356.775.363.400
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	-	23.000.000.000	-	23.000.000.000
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	42.499.920.000	40.833.320.000	42.499.920.000	40.833.320.000
Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	-	1.666.600.000	-	1.666.600.000
Hợp đồng hợp tác đầu tư (f)	10.089.500.000	10.089.500.000	10.089.500.000	10.089.500.000
Khác	500.000.000	1.072.900.000	-	-
Tổng cộng	475.245.158.400	498.818.058.400	474.745.158.400	497.745.158.400



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

f. Khoản đầu tư dài hạn này bao gồm các khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư phát triển khu đất tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Du lịch Festival và Địa ốc Đông Á, một công ty liên kết. Mục đích chính của dự án là xây dựng và khai thác kinh doanh khu liên hợp khách sạn và căn hộ tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các chủ đầu tư của dự án đang trong quá trình xin giấy phép xây dựng từ cơ quan chính quyền địa phương.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản đầu tư dài hạn khác gồm cổ phiếu của ngân hàng TMCP Đông Á với giá trị ghi sổ là 350 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 257 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	10.800.000.000	10.800.000.000	10.800.000.000	10.800.000.000
Tăng dự phòng trong năm	10.324.532.250	-	23.378.223.355	-
Số dư cuối năm	21.124.532.250	10.800.000.000	34.178.223.355	10.800.000.000

Các khoản đầu tư sau được dự kiến sẽ nắm giữ nhằm mục đích kinh doanh:

	31/12/2011	
	Tập đoàn Số lượng	Công ty VND
Các công cụ vốn chủ sở hữu		
- Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	2.615.215	65.380.375.000
- Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	916.662	42.499.920.000
- Hợp đồng hợp tác đầu tư		10.089.500.000
		117.969.795.000



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dựa trên báo giá trên thị trường của công cụ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Tập đoàn / Công ty	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công cụ vốn chủ sở hữu khác ngoài các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết		
- cổ phiếu Ngân hàng TMCP Đông Á	356.775.363.400	346.450.831.150
- cổ phiếu Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	42.499.920.000	31.699.920.000
	<hr/>	<hr/>
	399.275.283.400	378.150.751.150
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Ngoại trừ thông tin trình bày ở trên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không thể thu thập giá thị trường của các công cụ vốn chủ sở hữu còn lại ngoài các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

12. Các công ty trong Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn có các công ty con và các công ty liên kết như sau :

Tên công ty Công ty con	Địa chỉ	31/12/2011		31/12/2010	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty TNHH Thời trang CAO	170E Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Giám định PNJ	205 Phan Đăng Lưu Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	432R/12 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	30,62%	30,62%	30,62%	30,62%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	Số 1A Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	49,99%	49,99%	49,99%	49,99%
Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	24,50%	24,50%

Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý một công ty liên kết – Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina tại ngày 14 tháng 12 năm 2011, các chi tiết của giao dịch như sau:

	VND
Giá trị đầu tư thuần tại ngày thanh lý	8.669.877.330
Tiền thu từ thanh lý	10.725.400.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Bình khí đồ t VND	Thuê nhà VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	162.533.954.793	3.443.567.100	29.946.297.001	8.261.016.103	204.184.834.997
Tăng trong năm	6.723.769.421	1.874.102.000	382.751.570	1.529.790.046	10.510.413.037
Phân bổ trong năm	(19.465.212.418)	(2.360.731.666)	(658.348.574)	(3.582.456.286)	(26.066.748.944)
Số dư cuối năm	149.792.511.796	2.956.937.434	29.670.699.997	6.208.349.863	188.628.499.090

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 22.706 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 22.787 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của một công ty con.

Công ty

	Thuê nhà VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.443.567.100	7.158.840.000	7.928.249.011	18.530.656.111
Tăng trong năm	1.874.102.000	-	597.159.850	2.471.261.850
Phân bổ trong năm	(2.360.731.666)	(194.400.000)	(2.997.460.861)	(5.552.592.527)
Số dư cuối năm	2.956.937.434	6.964.440.000	5.527.948.000	15.449.325.434

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc	941.363.000	941.363.000	941.363.000	941.363.000
Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng trong nội bộ Tập đoàn	109.629.523	26.325.031	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(131.840.339)	(131.840.339)	(131.840.339)	(131.840.339)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	919.152.184	835.847.692	809.522.661	809.522.661

Theo các quy định thuế hiện hành, các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

15. Vay ngắn hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn				
Bằng Đô la Mỹ	160.239.248.000	114.289.500.000	160.239.248.000	114.289.500.000
Bằng VND	223.596.000.000	129.758.888.666	197.286.000.000	116.758.888.666
Bằng vàng	86.278.231.372	685.633.629.039	86.278.231.372	685.633.629.039
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	470.113.479.372	929.682.017.705	443.803.479.372	916.682.017.705
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	134.243.356.496	20.478.862.656	129.836.493.840	16.072.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	604.356.835.868	950.160.880.361	573.639.973.212	932.754.017.705

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản 306.531 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 478.140 triệu VND) không được bảo đảm và 38.146 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 438.542 triệu VND) được bảo đảm bằng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ là 41 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 257 tỷ VND) và 99.126 triệu VND được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 884 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : Không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay từ ngân hàng của các công ty con bao gồm khoản 26.310 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010 : 13.000 triệu VND) được Công ty bảo lãnh.

Các khoản vay từ ngân hàng và cá nhân bằng Đô la Mỹ, VND và vàng chịu lãi suất năm dao động lần lượt từ 4,8% đến 8,0% (2010: từ 5,80% đến 7,00%), 3,0% đến 20,3% (2010: 8,40% đến 18,60%) và 2,4% đến 3,0% (2010: 2,40% đến 7,90%) trong năm.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.490.372.400	2.376.746.232	17.073.286.877	2.140.676.808
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.560.020.640	15.950.917.478	11.560.020.640	15.950.917.478
Các loại thuế khác	510.770.510	227.077.611	457.709.163	209.247.260
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	29.561.163.550	18.554.741.321	29.091.016.680	18.300.841.546

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí lãi vay	2.219.585.148	2.085.914.946	2.219.585.148	2.085.914.946
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	5.441.527.292	7.259.713.748	5.441.527.292	7.259.713.748
Thuê nhà	233.035.000	628.690.946	-	628.690.946
Chi phí khác	537.598.669	-	537.598.669	-
	8.431.746.109	9.974.319.640	8.198.711.109	9.974.319.640

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	3.278.805.829	2.241.645.600	3.194.185.759	1.848.551.703
Bảo hiểm xã hội	306.393.209	174.599.314	248.815.577	107.893.103
Bảo hiểm y tế	502.848.211	338.235.803	486.735.078	337.917.867
Cổ tức	60.254.310.200	61.341.637.152	60.152.565.200	60.340.136.450
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-	4.734.330.673
Quỹ Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.126.094.704	3.613.115.644	2.126.094.704	3.613.115.644
Vay từ công ty con	-	-	7.900.000.000	-
Tiền ký quỹ nhận được từ bán cổ phần Đại Việt	52.500.000.000	-	52.500.000.000	-
Các khoản khác	14.791.977.251	17.775.641.301	13.920.586.644	16.496.013.045
	133.760.429.404	85.484.874.814	140.528.982.962	87.477.958.485

Khoản vay từ công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	13.544.860.336	35.696.465.944	13.285.599.240	34.647.061.417
Tăng trong năm	20.655.521.000	909.528.000	20.655.521.000	-
Phân loại lại từ quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	281.291.306	-	-
Sử dụng quỹ trong năm	(17.222.261.148)	(23.312.694.402)	(16.976.032.259)	(21.361.462.177)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(29.730.512)	-	-
Số dư cuối năm	16.978.120.188	13.544.860.336	16.965.087.981	13.285.599.240

20. Vay dài hạn

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Từ Ngân hàng TMCP Đông Á				
Khoản vay 1 (a)	282.000.000	690.000.000	282.000.000	690.000.000
Khoản vay 2 (b)	11.009.000.000	14.693.000.000	11.009.000.000	14.693.000.000
Khoản vay 3 (c)	163.059.000.000	-	163.059.000.000	-
Từ Ngân hàng TMCP Á Châu				
Khoản vay 4	-	9.900.000.000	-	9.900.000.000
Khoản vay 5 (d)	229.955.000.000	-	229.955.000.000	-
Khoản vay 6 (e)	104.525.000.000	-	104.525.000.000	-
Khoản vay 7 (f)	659.535.290	-	659.535.290	-
Khoản vay 8 (g)	20.932.575.933	25.339.455.933	-	-
Từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín				
Khoản vay 9	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Khoản vay 10 (h)	334.480.000.000	-	334.480.000.000	-
	864.902.111.223	100.622.455.933	843.969.535.290	75.283.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(134.243.356.496)	(20.478.862.656)	(129.836.493.840)	(16.072.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	730.658.754.727	80.143.593.277	714.133.041.450	59.211.000.000



- a. Khoản vay 1 bằng VND được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.250 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 1.580 triệu VND) và chịu lãi suất năm dao động từ 15,6% đến 17,6% (2010: 6,50% đến 11,6%) trong năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 35 kỳ hàng tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 34 triệu VND bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2012.
- b. Khoản vay 2 bằng VND được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 9.595 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 9.595 triệu VND) và chịu lãi suất năm dao động từ 15,6% đến 17,6% (2010: 8,0% đến 11,6%) trong năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 48 kỳ hàng tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 307 triệu VND bắt đầu từ tháng 12 năm 2010 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 12 năm 2014.
- c. Khoản vay 3 bằng vàng được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 63.593 triệu VND và 16.316 triệu VND. Khoản vay chịu lãi suất năm là 4% trong năm và được hoàn trả vào ngày 29 tháng 4 năm 2013.
- d. Khoản vay 5 bằng vàng được đảm bảo bằng cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 309 tỷ VND. Khoản vay chịu lãi suất năm là 4,2% trong năm. Khoản vay được hoàn trả một lần vào ngày 29 tháng 4 năm 2013, hoặc hoàn trả trong một số kỳ trong thời hạn vay, thời điểm hoàn trả trong thời hạn vay do Công ty quyết định.
- e. Khoản vay 6 bằng vàng không được đảm bảo và chịu lãi suất năm là 4,2% trong năm. Khoản vay được hoàn trả một lần vào ngày 29 tháng 4 năm 2013, hoặc hoàn trả trong một số kỳ trong thời hạn vay, thời điểm hoàn trả trong thời hạn vay do Công ty quyết định.
- f. Khoản vay 7 bằng Đô la Mỹ được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 884 triệu VND và chịu lãi suất năm là 7% trong năm. Khoản vay được hoàn trả trong 24 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 1.745 Đô la Mỹ bắt đầu từ tháng 7 năm 2011 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 7 năm 2013.
- g. Khoản vay 8 liên quan đến khoản vay của một công ty con được Công ty bảo lãnh và được đảm bảo bằng chi phí thuê đất trả trước và tài sản cố định hữu hình hình thành trên quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 22.706 triệu VND và 19.084 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2010: 22.787 triệu VND và 19.836 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 18,7% đến 21,5% (2010: 10,5% đến 19,14%) trong năm. Dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được hoàn trả trong 57 kỳ hàng tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 367 triệu VND và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2016.
- h. Khoản vay 10 bằng vàng được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 lần lượt là 118.719 triệu VND và 776 triệu VND, và chịu lãi suất năm là 4,2% trong năm. Khoản vay được hoàn trả trong 2 kỳ hàng năm, kỳ đầu tiên không quá 3,000 lượng hoặc tiền tương đương 3.000 lượng vào tháng 4 năm 2012 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 4 năm 2013.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	470.113.479.372	477.116.403.083	477.116.403.083	-	-
Vay dài hạn	864.902.111.223	920.235.968.246	171.429.438.267	729.097.244.553	19.709.285.426

Công ty

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Vay ngắn hạn	443.803.479.372	450.001.291.987	450.001.291.987	-	-
Vay dài hạn	843.969.535.290	889.259.357.458	162.953.579.685	721.997.261.106	4.308.516.667

Các công ty trong Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng. Bên cạnh các hạn mức vay ngân hàng đã được trình bày trong thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Tập đoàn và Công ty còn duy trì các hạn mức tín dụng lần lượt là 819.592 triệu VND và 815.902 triệu VND.

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản vay này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT -BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản vay có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, khoản vay dài hạn và ngắn hạn của Tập đoàn và Công ty bao gồm 1.247.237 triệu VND và 1.199.995 triệu VND chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn và công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 13.687 triệu VND và 13.530 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn và Công ty.



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

21. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau :

	Tập đoàn / Công ty VND
Số dư đầu năm	3.473.546.084
Trích lập dự phòng trong năm	1.187.681.034
Sử dụng dự phòng trong năm	(239.644.761)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.421.582.357

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn đã đóng 1.140 triệu VND (2010: 774 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Công ty đã đóng 1.009 triệu VND (2010: 695 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	59.999.142	599.991.420.000	59.999.142	599.991.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.999.142	599.991.420.000	59.999.142	599.991.420.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(709)	(7.090.000)	(709)	(7.090.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	59.998.433	599.984.330.000	59.998.433	599.984.330.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Tập đoàn	
	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	28.671.629.175	46.801.141.694
Vốn cổ phần góp bởi cổ đông thiểu số	599.500.000	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm phân bổ cho cổ đông thiểu số	401.324.979	(676.831.791)
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(95.400.000)	(401.303.150)
Cổ tức phải trả cho cổ đông thiểu số	(2.940.050.000)	(3.168.600.000)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(13.882.777.578)
Số dư cuối năm	26.637.004.154	28.671.629.175

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

24. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu				
• Vàng và trang sức	17.376.881.158.771	13.114.780.878.367	17.329.548.057.884	13.076.168.261.555
• Phụ kiện trang sức	6.702.380.646	4.999.858.816	5.487.053.940	1.622.073.282
• Gas and vỏ bình gas	648.879.459.187	568.865.576.963	-	-
• Dịch vụ kiểm định	5.592.460.251	-	-	-
• Thú y hải sản	-	109.656.282.076	-	-
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
• Chiết khấu thương mại	(45.125.502)	(11.314.783)	-	-
• Giảm giá hàng bán	-	(39.499.800)	-	(39.187.000)
• Hàng bán bị trả lại	(3.663.788.710)	(3.569.447.560)	(3.650.279.611)	(3.460.139.270)
• Thuế gián thu	(70.506.072.871)	(42.301.668.383)	(67.723.902.249)	(39.827.178.347)
Doanh thu thuần	17.963.840.471.772	13.752.380.665.696	17.263.660.929.964	13.034.463.830.220

25. Giá vốn hàng bán

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:				
• Vàng và trang sức	16.645.023.237.523	12.594.943.633.238	16.626.198.508.406	12.581.150.667.513
• Phụ kiện trang sức	4.297.621.399	3.639.682.558	3.566.659.415	1.079.612.897
• Gas và vỏ bình gas	573.461.320.575	518.494.131.667	-	-
• Dịch vụ kiểm định	2.738.693.331	-	-	-
• Thú y hải sản	-	93.450.853.197	-	-
Tổng giá vốn hàng bán	17.225.520.872.828	13.210.528.300.660	16.629.765.167.821	12.582.230.280.410



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	2.809.196.252	1.536.282.927	2.410.901.449	857.388.947
Lãi đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	307.107.617	15.125.454.250	307.107.617	15.125.454.250
Cổ tức	53.116.224.050	39.967.538.600	65.250.932.050	55.105.360.225
Thu nhập từ kinh doanh vàng	-	415.202.987	-	415.202.987
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.095.535.024	3.529.097.846	6.001.543.727	2.096.050.670
Lãi từ thanh lý công ty con và công ty liên kết	2.055.522.670	3.229.607.274	-	3.458.000.000
Doanh thu tài chính khác	371.342.461	847.137.296	371.342.461	847.137.296
	64.754.928.074	64.650.321.180	74.341.827.304	77.904.594.375

27. Chi phí tài chính

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	103.995.485.100	58.801.093.754	95.273.068.280	53.623.329.476
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	-	127.822.500	-	127.822.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.111.164.168	748.882.172	10.111.164.168	1.071.270.845
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	10.324.532.250	-	23.378.223.355	-
Chi phí tài chính khác	1.103.673.033	712.503.045	-	587.984.410
	125.534.692.551	60.390.301.471	128.762.455.803	55.410.407.231

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

28. Thu nhập khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con	-	-	4.734.330.673	2.281.408.704
Tiền ký quỹ bình khí đốt phân bổ vào thu nhập	11.130.325.670	11.133.754.723	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	959.942.727	603.456.906	211.411.818	603.456.906
Thu từ thanh lý tài sản cố định vô hình	-	12.967.911.689	-	12.967.911.689
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	5.675.983.474	-	5.675.983.474	-
Thu nhập khác	1.458.677.848	6.006.402.832	1.444.834.600	5.716.473.217
	19.224.929.719	30.711.526.150	12.066.560.565	21.569.250.516

29. Chi phí khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	532.659.779	1.471.437.464	358.041.741	1.471.437.464
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình xóa sổ	431.215.096	-	8.816.978	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình thanh lý	-	9.555.765.000	-	9.555.765.000
Chi phí khác	643.976.905	875.637.687	610.086.897	728.937.626
	1.607.851.780	11.902.840.151	976.945.616	11.756.140.090

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60.608.358.407	51.832.333.498	60.228.892.442	51.363.036.090
Dự phòng thiếu trong những năm trước	134.232.189	114.376.217	134.232.189	-
	60.742.590.596	51.946.709.715	60.363.124.631	51.363.036.090
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Hoàn nhập)/phát sinh các chênh lệch tạm thời	(83.304.492)	604.159.979	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	60.659.286.104	52.550.869.694	60.363.124.631	51.363.036.090

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	318.165.893.441	263.892.214.917	302.072.874.291	257.918.248.683
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	79.541.473.360	65.973.053.729	75.518.218.573	64.479.562.170
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	-	(132.325.926)	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.103.152.567	704.622.648	1.023.406.882	659.813.976
Thu nhập miễn thuế	(16.459.496.482)	(15.496.218.401)	(16.312.733.013)	(13.776.340.056)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(3.263.422.776)	1.109.446.954	-	-
Ưu đãi thuế	-	(97.756.463)	-	-
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	375.670.936	-	-
Lỗi tính thuế sử dụng	(396.652.754)	-	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	134.232.189	114.376.217	134.232.189	-
	60.659.286.104	52.550.869.694	60.363.124.631	51.363.036.090



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước theo mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận tính thuế.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	257.105.282.358	212.018.177.014	241.709.749.660	206.555.212.593
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	257.105.282.358	212.018.177.014	241.709.749.660	206.555.212.593

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Công ty	
	2011	2010
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	59.999.142	39.999.921
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	19.999.221
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(709)	(709)
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	59.998.433	59.998.433

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Tập đoàn và Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	Giá trị giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2011	2010	2011	2010
	VND	VND	VND	VND
Các công ty liên quan				
CAO				
Bán hàng hóa	-	-	25.485.296.645	24.511.276.378
Mua hàng hóa	-	-	9.455.811.551	8.159.576.539
Cho công ty con vay	-	-	5.908.854.000	7.635.097.937
Góp vốn	-	-	-	6.300.000.000
Đại Việt				
Cổ tức nhận được	-	-	7.000.000.000	4.900.000.000
Cho công ty con vay	-	-	10.000.000.000	2.572.761.734
Vay từ công ty con	-	-	1.100.000.000	10.500.000.000
Giám định PNJ				
Bán hàng hóa	-	-	185.819.939	-
Vay từ công ty con	-	-	7.900.000.000	-
Góp vốn	-	-	10.000.000.000	-
Hải sản Sài Gòn				
Cổ tức nhận được	-	-	-	1.383.200.000
Địa ốc Đông Á				
Mua dịch vụ	20.410.987.266	9.620.570.626	20.098.941.693	9.620.570.626
Cho công ty liên kết vay	5.125.511.786	11.500.000.000	5.125.511.786	11.500.000.000
Góp vốn	-	21.800.000.000	-	21.800.000.000
Cổ tức nhận được	-	1.869.324.625	-	1.869.324.625
Nhiên liệu Sài Gòn				
Cổ tức nhận được	5.134.708.000	6.985.297.000	5.134.708.000	6.985.297.000
Hong Vina				
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.659.535.124	34.913.894.618	-	-
Cổ tức nhận được	-	1.029.637.260	-	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị				
Lương và thù lao	7.653.580.277	5.868.989.648	5.645.495.000	5.394.051.648

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

33. Các cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Tập đoàn và Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán :

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	76.205.322.557	79.721.269.600	76.205.322.557	79.089.169.600

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	25.981.565.059	24.947.346.415	21.192.355.804	18.800.260.260
Trong vòng hai đến năm năm	52.621.350.748	49.444.851.589	45.621.374.261	40.071.721.654
Sau năm năm	37.835.623.916	30.491.461.834	37.835.623.916	30.491.461.834
	116.438.539.723	104.883.659.838	104.649.353.981	89.363.443.748

34. Nợ phải trả thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn và Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	Lượng vàng	USD	Lượng vàng	USD
Tiền	-	34.522	-	34.421
Các khoản tương đương tiền	8.711	-	8.711	-
Phải thu khách hàng	-	527.811	-	527.811
Phải trả người bán	-	(1.167.575)	-	(1.167.575)
Vay ngắn hạn	(5.009)	(7.638.940)	(5.009)	(7.638.940)
Vay dài hạn	(16.900)	(10.450)	(16.900)	(10.450)
	(13.198)	(8.254.632)	(13.198)	(8.254.733)



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn và Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc tham gia các hợp đồng mua bán ngoại tệ tương lai và mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép. Ngoài ra, đối với rủi ro do biến động giá vàng, Công ty giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc cân đối số dư vàng trên các khoản mục tài sản và nợ phải trả tại mọi thời điểm.

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn và Công ty áp dụng :

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2011	31/12/2010
1 Đô la Mỹ	20.828	18.932
1 lượng vàng	41.800.000	36.080.000

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 :

	Giảm lợi nhuận thuần tại ngày	
	31/12/2011	
	Tập đoàn	Công ty
Đô la Mỹ (mạnh thêm 8%)	(7.397.457.953)	(7.397.584.171)
Lượng vàng (mạnh thêm 16%)	(66.200.256.894)	(66.200.256.894)
	(73.597.714.847)	(73.597.841.065)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Tập đoàn		Công ty	
	2011 VND	2010 VND	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	17.136.011.147.989	12.729.172.792.277	16.542.994.136.313	12.592.049.049.660
Chi phí nhân công và nhân viên	224.896.006.746	179.172.151.417	194.891.256.502	148.214.888.494
Chi phí khấu hao và phân bổ	42.308.214.488	43.922.848.994	17.182.301.892	15.208.211.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.492.679.948	58.350.572.937	53.340.442.159	38.333.219.889
Chi phí khác	135.470.081.827	126.717.266.911	109.848.905.257	96.458.351.913

Người lập:

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Trang Sức

KIM CƯƠNG PNJ





DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRƯỚC 2010

1. Huân chương độc lập hạng ba - Năm 2008
2. Huân chương lao động hạng nhất, nhì và ba.
3. Cờ thi đua của Chính phủ trao tặng qua các năm.
4. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ qua các năm
5. Cờ thi đua của UBND thành phố trao tặng qua các năm.
6. Giải thưởng Top 500 Nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á Thái Bình Dương liên tục từ 2003 – 2010.
7. Giải thưởng Thương hiệu Việt Nam tốt nhất - Năm 2007
8. Giải thưởng Top 100 thương hiệu Sao Vàng Đất Việt năm 2003 – 2010.
9. Giải thưởng thương hiệu trang sức dẫn đầu Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn từ 1998 - 2010
10. Xác lập kỷ lục Việt Nam “Doanh nghiệp đầu tiên đầu tư công nghệ sản xuất nữ trang hiện đại và quy mô nhất Việt Nam” năm 2007
11. PNJ là doanh nghiệp kim hoàn VN duy nhất được UNDP (Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc) xếp trong top 200 doanh nghiệp lớn nhất VN năm 2007
12. Cúp vàng Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam và thương hiệu chứng khoán uy tín do UBCKNN bình chọn
13. Thương hiệu PNJ nhận giải thưởng: Bộ nhận diện thương hiệu xuất sắc nhất năm 2008 do Hiệp hội ngành quảng cáo VN trao tặng.
14. TOP 50 Thương hiệu nổi tiếng nhất tại Việt Nam năm 2009 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Cty nghiên cứu thị trường AC Nielsen tổ chức
15. Giải thưởng Chất lượng quốc gia 2006 - 2010
16. Giải thưởng Thương hiệu mạnh từ năm 2004 – 2010
17. Doanh nhân Sài Gòn tiêu biểu từ năm qua các năm từ 2004.
18. Doanh nhân VN tiêu biểu năm 2008
19. Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ đón nhận Huân chương lao động hạng nhì 2008



Giải thưởng Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á - Thái Bình Dương



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG NĂM 2010 – 2011

1. Công đoàn PNJ được vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng 3

2. Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ được trao tặng Huân chương lao động hạng 1

3. Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ, là nữ doanh nhân duy nhất trong top 5 Doanh nhân VN được trao giải thưởng quốc tế Ernst and Young, Bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp 2011.

4. PNJ đón nhận danh hiệu Giải vàng Chất lượng Quốc gia 2011

5. Được Chính phủ công nhận là Thương hiệu quốc gia 2010 - 2011

6. Được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu trang sức số 1 hàng Việt Nam chất lượng cao do báo Sài Gòn Tiếp Thị công bố 2012

7. PNJ là 1 trong 3 doanh nghiệp của Việt Nam được nhận Giải thưởng Chất lượng Châu Á- Thái Bình Dương 2011

8. Giải thưởng Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á Thái Bình Dương và nằm trong top 3 doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam 2011

9. PNJ là doanh nghiệp kim hoàn duy nhất của Việt Nam được xếp thứ 16 trong Top 500 công ty sản xuất và kinh doanh nữ trang lớn nhất thế giới do Plimsoll (Anh) công bố năm 2011.



Cúp Thương Hiệu Quốc Gia



Cúp Sao Vàng Đất Việt



Giải thưởng chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương

VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP



Với triết lý kinh doanh “Đặt lợi ích khách hàng, xã hội vào lợi ích của doanh nghiệp”, trong suốt nhiều năm qua, bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, PNJ đã luôn quan tâm và gắn kết sứ mạng vì cộng đồng, hàng năm PNJ cũng dành rất nhiều hoạt động chăm lo công đồng như: luôn đi đầu trong công tác cứu trợ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai; chăm lo tết cho người nghèo; các hoạt động hiến máu nhân đạo, khám chữa bệnh cho người nghèo; trao học bổng; tài trợ các chương trình phát hiện tài năng trẻ, Chăm sóc trẻ em nghèo khuyết tật, xây nhà tình thương, tình nghĩa ... với tổng kinh phí năm 2011 trên 3,5 tỷ đồng.

Đây là những chia sẻ mang ý nghĩa sâu sắc và nhân văn của tập thể CB.CNV PNJ, thể hiện ý thức trách nhiệm rất cao của PNJ đối với cộng đồng và xã hội.

Stt	Các hoạt động từ thiện đã thực hiện	Khoản tài trợ
1.	Tài trợ 80 cặp nhẫn cưới trong Lễ cưới Tập thể cho 80 thành niên công nhân nghèo tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2011	320.000.000
2.	Tài trợ Cuộc thi viết “Cha tôi là ngư dân” trong chương trình phát động ủng hộ Cùng ngư dân trẻ ra khơi của Báo Thanh niên	250.000.000
3.	Tài Trợ Kỷ Niệm 35 Năm Thành Lập Trường Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh	245.000.000
4.	Tài trợ bổ sung cho Dự án góp vốn làng nghề của quỹ EDF báo SGTT (năm 2010 đã tài trợ 500 triệu đồng) để giúp đỡ các gia đình nghèo các làng nghề tại Quảng Ngãi, Tiền Giang, Long An, Bến Tre và các huyện nghèo tại tp HCM	250.000.000
5.	Tài trợ hoạt động ủng hộ môi trường và Ngày trái đất của trường RMIT 2011	30.000.000
6.	Tài trợ các hoạt động trong chiến dịch Mùa hè Xanh 2011 của ĐH Luật Thành phố HCM	60.000.000
7.	PNJ hỗ trợ kinh phí thăm căn cứ cách mạng của Đoàn TNCS Thành phố Hồ Chí Minh nhân dịp xuân Tân Mão 2011.	20.000.000
8.	Tài trợ trường Đại học Kinh tế TP HCM tổ chức cuộc thi “Dynamic “ 2011 với mục đích tìm kiếm và phát triển các tài năng sinh viên.	150.000.000
9.	Tài trợ Chương trình học bổng dài hạn SFT (TBKTSG – PNJ) niên học 2011-2012 dành cho các sinh viên, học sinh nghèo hiếu học	150.000.000
10.	Ủng hộ Quỹ vì người nghèo Thành phố năm 2011	400.000.000



11.	Tiếp tục tài trợ Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo TPHCM năm 2012 để chăm sóc cho các bệnh nhân nghèo, nhất là các khu vực vùng sâu, vùng xa.	200.000.000
12.	Tài trợ chương trình Mùa xuân Biên giới 10 của Báo SGGP năm 2011 để chăm lo tết cho đồng bào các dân tộc thiểu số tại các vùng biên giới.	50.000.000
13.	Quà cho dân nghèo 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum trong dịp tết 2011	125.000.000
14.	Quà cho Hội người mù và trẻ em trường khuyết tật Niềm tin tại quận Phú Nhuận trong dịp tết 2012	60.000.000
15.	Quà cho tỉnh Quảng Ngãi dịp tết 2011	100.000.000
16.	Quà cho tỉnh Quảng Nam dịp tết 2011	100.000.000
17.	Tặng suất học bổng PNJ cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn cho 100 em học giỏi tại Quận Phú Nhuận	108.000.000
18.	Ủng hộ Quỹ đi bộ đồng hành vì người nghèo quận Phú Nhuận năm 2011 theo định kỳ.	100.000.000
19.	Tặng quà tết cho người nghèo xuân 2012 tại các khu vực huyện ngoại thành Tp HCM như Cần Giờ, Củ Chi và trên địa bàn Quận Phú Nhuận và cho CB CNV PNJ.	600.000.000
	Tổng Chi phí tài trợ trong năm 2011	3.318.000.000

Bên cạnh đó, PNJ luôn chú trọng xây dựng nếp văn hóa “Mái Nhà Chung PNJ” mà ở đó mỗi thành viên trong gia đình PNJ đều sống có nghĩa tình, đoàn kết thương yêu giúp đỡ nhau, được khuyến khích nâng cao trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn và quản lý thông qua các lớp đào tạo bên trong và bên ngoài.

Sự nỗ lực trong học tập và công tác của các thành viên được tưởng thưởng xứng đáng bằng thù lao vật chất, bằng động viên tinh thần và bằng việc bổ nhiệm vào những vị trí xứng đáng. Thông qua các hoạt động đoàn thể, PNJ luôn giáo dục cán bộ, nhân viên của mình sống trong một nền văn hóa mà ở đó Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín được đề cao, có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng, là những công dân tôn trọng pháp luật... Hình ảnh công tác xã hội và các hoạt động đoàn thể: NHGD, Văn nghệ thể thao...



Hoạt động Team Building



Hiến máu nhân đạo



Ngày hội gia đình PNJ hàng năm



Tặng quà cho trẻ em khuyết tật trường Niềm Tin



Tặng quà tết cho người nghèo tại Củ Chi

GIỚI THIỆU CÁC NHÃN HÀNG



NHÃN HIỆU TRANG SỨC VÀNG PNJ



Chính thức có mặt tại thị trường Việt Nam năm 1989, nhãn hàng trang sức vàng PNJ luôn nỗ lực không ngừng trong vị thế của người tiên phong, đi đầu trong việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, nguồn nhân lực tay nghề cao góp phần phát triển và chuyên nghiệp hóa ngành kim hoàn truyền thống của Việt Nam.

Qua 24 năm miệt mài lao động và sáng tạo không ngừng, nhãn hiệu trang sức vàng PNJ liên tục cho ra mắt hàng trăm bộ sưu tập mới với thiết kế đột phá về mẫu mã, kiểu dáng, chất liệu ...khởi xướng xu hướng thời trang mới. Trên nền vàng đúng tuổi 10k, 14k, 18k, 24k với đầy đủ các dòng trang sức cưới Hạnh Phúc Vàng, trang sức Kim Cương, Đá Màu cùng các chủng loại như dây chuyền, mẻ đay, bông tai, nhẫn, vòng, lắc ... góp phần tôn vinh nét đẹp, sang trọng và đẳng cấp cho người tiêu dùng Việt, cũng như minh chứng, kết nối yêu thương cho tình yêu của đôi lứa.

Tổng doanh thu thực hiện năm 2011 của nhãn hàng trang sức vàng PNJ đạt 2.934 tỷ đồng, tăng 36,58% so với cùng kỳ.



NHÃN HIỆU TRANG SỨC PNJSILVER



Sự ra đời của nhãn hàng trang sức Bạc cao cấp PNJSilver năm 2001 đánh dấu bước đột phá mới trong việc phục vụ nhu cầu làm đẹp cho phân khúc khách hàng trẻ – một thị trường bỏ ngỏ lúc bấy giờ. Năm 2005, với hệ thống nhận diện mới trên nền hồng chủ đạo cùng slogan “Lấp lánh ước mơ” nhãn hàng PNJSilver đã tạo ra xu hướng tiêu dùng mới về trang sức Bạc cho đối tượng khách hàng này.

Bên cạnh việc mang đến những món trang sức trên nền chất liệu 92.5% Bạc nguyên chất được xi bảo vệ Rodium, với thiết kế hiện đại, trẻ trung và mới lạ cho giới trẻ, nhãn hàng PNJSilver còn tạo ra nhiều sân chơi bổ ích với mong muốn đồng hành và chấp cánh ước mơ cho thế hệ trẻ Việt. Gần đây nhất là cuộc thi Miss PNJSilver và PNJSilver Star đã tạo được sức ảnh hưởng mạnh mẽ trong các bạn học sinh –sinh viên với thông điệp tự tin và phấn đấu hết mình để biến ước mơ thành hiện thực.

Tổng doanh thu nhãn hàng PNJSilver năm là 164,86 tỷ đồng, tăng 36,82% so cùng kỳ, đây là mức tăng trưởng khá ấn tượng vượt kế hoạch đề ra. Trong đó, doanh thu do bán lẻ tại thị trường trong nước chiếm 90,82%, từ xuất khẩu chiếm 9,18%. Tổng lãi gộp năm của nhãn hàng PNJSilver là 129 tỷ đồng, tăng 49,58% so với cùng kỳ.

GIỚI THIỆU CÁC NHÃN HÀNG



NHÃN HIỆU CAO FINE JEWELLERY (CÔNG TY TNHH MTV THỜI TRANG CAO)



CAO Fine Jewellery – nhãn hàng trang sức cao cấp nhất được giới thiệu ra thị trường năm 2005 với định hướng nâng tầm kỹ thuật chế tác và sáng tạo nữ trang lên tầm cao mới. Mỗi món trang sức CAO Fine Jewellery được xem như một kiệt tác nghệ thuật độc đáo mà nghệ nhân kim hoàn khéo léo tạo hồn trong từng chi tiết tinh xảo trên nền chất liệu kim loại quý cùng những viên đá quý thiên nhiên.

Năm 2009, CAO Fine Jewellery chính thức trở thành một trong những công ty thành viên của PNJ với định hướng phát triển là một công ty thời trang cao cấp với các thương hiệu đẳng cấp trong và ngoài nước. Với vị thế này, CAO Fine Jewellery từng bước phủ rộng hệ thống trên quy mô toàn quốc, khẳng định đẳng cấp cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trang sức cao cấp quốc tế hiện đang có mặt trên thị trường Việt Nam.

Doanh thu năm 2011 của Công ty CAO là 83,489 tỷ đồng, tăng 19,41% so năm 2010, trong đó doanh thu nữ trang CAO Fine Jewellery là 75,550 tỷ chiếm 90,36%/doanh thu toàn Công ty. Doanh thu nữ trang Jemma là 8,036 tỷ chiếm 9,64% doanh thu.



NHÃN HIỆU TRANG SỨC PHỤ KIỆN JEMMA

Là nhãn hàng trang sức và phụ kiện thời trang cao cấp thuộc Công ty Thời trang CAO – công ty thành viên của PNJ, JEMMA mang đến sự lựa chọn mới cho phụ nữ trẻ, đặc biệt là giới văn phòng trong việc làm mới bản thân và khẳng định tính cách.



Nhãn hàng Jemma bao gồm hai dòng hàng chính là trang sức - phụ kiện và túi xách. Tất cả các sản phẩm đều được thiết kế bởi các nhà thiết kế Hàn Quốc, Italia dựa trên các xu hướng thời trang mới nhất tại các trung tâm thời trang trên thế giới. Với nguồn nguyên liệu cao cấp ngoại nhập cùng quy trình sản xuất công nghệ hiện đại dưới cơ chế quản lý chất lượng nghiêm ngặt, mỗi sản phẩm Jemma không chỉ là bắt kịp xu hướng thời trang mà còn là biểu trưng của đẳng cấp và sang trọng. Doanh thu năm 2011 đạt 8,036 tỷ đồng, và tăng 165% so với cùng kỳ và đang bước đầu cũng tạo được uy tín và sự yêu mến nhất định của khách hàng.



Trụ sở: CÔNG TY CP VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN - PNJ
170E Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 3995 1703 - Fax: (08) 3995 1702
Email: pnj@pnj.com.vn
Website: www.pnj.com.vn

HỆ THỐNG BÁN LẺ TRANG SỨC PNJ TRÊN TOÀN QUỐC

TP.HỒ CHÍ MINH

Quận 1:

174 Lê Thánh Tôn
Vincom Center (tầng L1)
292 Hai Bà Trưng
Thương xá TAX - Nguyễn Huệ
Citi Plaza - Nguyễn Trãi
Nowzone - 235 Nguyễn Văn Cừ
21Trần Quang Khải
Co.op Mart Cổng Quận
Parkson Saigon Tourist

Q.Phú Nhuận:

54 - 56 Nguyễn Văn Trỗi
159 Phan Đăng Lưu
Co.opMart Nguyễn Kiệm
BigC Hoàng Văn Thụ
338 Phan Đình Phùng
Co.op Mart Rạch Miễu

Quận 3:

652 Nguyễn Đình Chiểu
305 Nguyễn Đình Chiểu
Co.op Mart Nguyễn Đình Chiểu
4A Cao Thắng
132 CMT8

Quận 5:

5 - 7 An Dương Vương
Parkson Hùng Vương

Quận 6:

255A - 255B Hậu Giang

Quận 7:

Lotte Mart

Quận 8:

Co.op Mart Tuy Lý Vương

Quận 9:

Co.opMart Xa lộ Hà Nội

Quận 10:

Maximark 3/2
Co.op Mart Lý Thường Kiệt
132 Cách Mạng Tháng 8
127 Đường 3/2
477 Nguyễn Tri Phương
Co.op Mart Phú Thọ
BigC Miền Đông

Quận 11:

Parkson Flemington - 257 Lê Đại Hành
Lotte Everich - Lê Đại Hành
140 Ông Ích Khiêm

Quận12:

Co.op Mart Nguyễn Ánh Thù

Q.Tân Bình:

47-49 Lý Thường Kiệt
230B Lê Văn Sỹ
Maximark Cộng Hòa
Sân bay Tân Sơn Nhất
139 CMT8
459 Trường Chinh
Parkson C&T Tân Sơn Nhất

Q.Tân Phú:

BigC Phú Thạnh

Q. Bình Tân

BigC An Lạc
Co.op Mart Bình Tân

Q.Gò Vấp:

362A Nguyễn Văn Nghi
403 Thống Nhất
21/3A Quang Trung
BigC Gò Vấp

Q. Bình Thạnh:

127A Đinh Tiên Hoàng
131 Hoàng Hoa Thám
197A Lê Quang Định
201 Xô Viết Nghệ Tĩnh

Q.Thủ Đức:

141 Võ Văn Ngân
Co.op Mart Thủ Đức
Huyện Củ Chi
Coop Mart Củ Chi

HÀ NỘI

Q.Hai Bà Trưng:

6A Trần Nhân Tông
37B Trần Nhân Tông
TTTTM Vincom
548 Bạch Mai
58 Triệu Việt Vương

Q.Cầu Giấy:

TTTTM BigC
256 Cầu Giấy

Q.Đống Đa:

129 Chùa Bộc
136 Tôn Đức Thắng
5B10 Phạm Ngọc Thạch

Q.Long Biên:

345 Ngọc Lâm
BigC Savico

Q. Ba Đình:

30 Đội Cấn
263 Kim Mã

Q. Hà Đông:

Co.op Mart Sài Gòn

Q. Thanh Xuân:

C12 Siêu thị Hapro

HẢI PHÒNG

Parkson Hải Phòng - TD Plaza
BigC Hải Phòng
56 Cầu Đất

TP.VINH

BigC Vinh

VĨNH PHÚC

BigC Vĩnh Phúc
Co.op Mart Vĩnh Phúc

HẢI DƯƠNG

TTTTM BigC

NAM ĐỊNH

BigC Nam Định

HÀ TĨNH

Co.op Mart Hà Tĩnh

TP.ĐÀ NẴNG

70-72 Trần Phú - Hải Châu
77 Phan Chu Trinh
BigC - Vinh Trung Plaza
123 Hùng Vương
Co.opMart Đà Nẵng

QUẢNG NGÃI

Co.op Mart Quảng Ngãi

BÌNH ĐỊNH

Co.op Mart Quy Nhơn

THANH HÓA

BigC Thanh Hóa

TP.HUẾ

Co.opMart Huế
BigC Huế

TP.NHA TRANG

94 Quang Trung
Maximark Nha Trang

PHAN THIẾT

Co.op Mart Phan Thiết

TP.PLEIKU

Co.op Mart Pleiku

BUÔN MA THUỘT

Co.op Mart Buôn Ma Thuột

LÂM ĐỒNG

Co.op Mart Bảo Lộc

TP.ĐÀ LẠT

8 khu Hòa Bình-Đà Lạt

BÌNH PHƯỚC

Co.op Mart Bình Phước

TÂY NINH

Co.op Mart Tây Ninh

BÌNH DƯƠNG

Co.op Mart Bình Dương
3A BìnhDương

TP.BIÊN HÒA

BigC Biên Hòa
BigC Đồng Nai
BigC Biên Hòa
97 Đường 30/4
105 QL1
88A Mậu Thân

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Co.op Mart Bà Rịa

TP.VŨNG TÀU

Co.op Mart Vũng Tàu

LONG AN

Co.op Mart Tân An

TIỀN GIANG

Co.op Mart Mỹ Tho

BẾN TRE

Co.op Mart Bến Tre

TP.VĨNH LONG

Co.op Mart Vĩnh Long

TP.CẦN THƠ

46 Ngô Quyền
Co.opMart Cần Thơ
118 Hai Bà Trưng
88A Mậu Thân

SÓC TRĂNG

Co.op Mart Sóc Trăng

TP.LONG XUYÊN

Co.opMart Long Xuyên
234/3A Nguyễn Trãi

BẠC LIÊU

Co.op Mart Bạc Liêu

KIÊN GIANG

38 Hoàng Hoa Thám
Co.opMart Kiên Giang.

TRÀ VINH

Co.op Mart Trà Vinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
Phu Nhuan Jewelry Joint Stock Company

170E Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

www.pnj.com.vn